

We lift ✨
you higher

Corporate catalogue

 **KOHLER**
GERMAN - LIFT

KOHLER



▶ Chúng tôi là ai?	—	04
▶ Tại sao là KOHLER	—	06
▶ Đội ngũ của chúng tôi	—	08
▶ Mạng lưới sản xuất của chúng tôi	—	10
▶ Hệ thống của chúng tôi	—	12
▶ Thang máy điện		
Khung treo dạng võng		
1.1 Skyline MR MRL	—	18
1.2 Skyline G GC	—	23
1.3 Skyline Origin	—	25
Khung ba lô		
1.4 Optima	—	27
▶ Thang nâng dạng sàn		
1.5 Harmony	—	32
1.6 Volt	—	34
▶ Thang máy thủy lực		
1.7 Hydronic	—	38
▶ Thang máy chở hàng		
Titan	—	41
▶ Thang tải ô tô		
1.9 Automotive	—	44
▶ Tính bền vững		
2.0 Giải pháp tái sinh năng lượng	—	46
2.1 EPD	—	47
▶ Vật liệu hoàn thiện		
2.2 Các mẫu Cabin	—	48
2.3 Cabin quan sát	—	54
2.4 Cabin hoàn thiện	—	57
2.5 Cửa	—	65
2.6 Bảng điều khiển và màn hình hiển thị	—	68
2.7 Kết ca	—	72
▶ Chỉ thị về thang máy	—	76
▶ Trụ sở chính và các văn phòng	—	78

KOHLER



Chúng tôi là ai?





Chúng tôi là ai?

Chúng tôi là một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực thang máy và thiết bị nâng

Với bề dày kinh nghiệm trong thiết kế và kinh doanh thang máy cùng các linh kiện, thiết bị chuyên ngành, chúng tôi cung cấp giải pháp cho các chuyên gia trong lĩnh vực thang máy trên toàn cầu

Chúng tôi không ngừng phát triển và mở rộng nhằm mang đến dịch vụ tốt nhất, cung cấp cho khách hàng các giải pháp toàn diện đáp ứng mọi nhu cầu, đồng thời trở thành đối tác hàng đầu trong lĩnh vực giải pháp thang máy

+60

Thang
máy tại
các quốc
gia



+50

Số năm kinh
nghiệm
chuyên môn



+45.000

Số lượng thang
máy đã cung
cấp



+150

Đội ngũ nhân
sự chuyên
môn cao

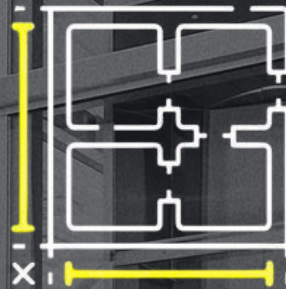


Your Partner in
Lifts Solutions

Why **KOHLER**



Năng lực sản xuất cao



Giải pháp theo yêu cầu



**Chất lượng
và độ tin cậy**



**Dịch vụ và sự
đồng hành**

Your Partner in
Lifts Solutions

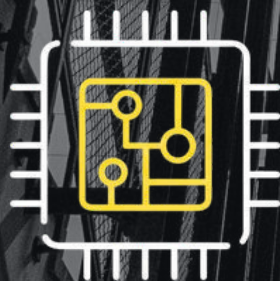
Why **KOHLER**



Kinh nghiệm
và **sự tin cậy**



Tự động hóa
mức độ cao



Không ngừng
đổi mới



Hiện diện
quốc tế

ĐỘI NGŨ CỦA CHÚNG TÔI

Chúng tôi sở hữu đội ngũ chuyên gia kỹ thuật và kỹ sư được chứng nhận, giàu kinh nghiệm trong ngành và am hiểu sâu sắc về sản phẩm. Nền tảng chuyên môn này cho phép chúng tôi cung cấp dịch vụ tư vấn kỹ thuật chính xác đối với các hệ thống thang máy tiên tiến, đảm bảo các giải pháp được tối ưu hóa đồng bộ trong suốt vòng đời dự án — từ tư vấn ban đầu, thiết kế theo yêu cầu, lắp đặt cho đến hỗ trợ kỹ thuật và dịch vụ hậu mãi chuyên nghiệp.

Đội ngũ năng động, giàu chuyên môn, kết hợp hài hòa giữa năng lực kỹ thuật vững chắc và tinh thần nhiệt huyết. Chúng tôi luôn đặt tâm nhìn và nhu cầu của khách hàng làm trọng tâm, không ngừng nỗ lực mỗi ngày để **KOHLER** không chỉ được đánh giá là một nhà cung cấp, mà còn trở thành đối tác chiến lược đáng tin cậy, mang đến những giải pháp và dịch vụ di chuyển kiến trúc tối ưu nhất.

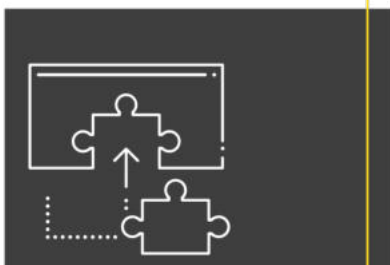


GIẢI PHÁP THIẾT KẾ THEO YÊU CẦU

Chúng tôi tìm ra giải pháp tối ưu ở mọi nơi

Chúng tôi chuyên phát triển các dự án đặc thù với giải pháp được thiết kế và tùy chỉnh hoàn toàn theo những yêu cầu kiến trúc riêng biệt của khách hàng, bao gồm cả các hệ thống thang máy thiết kế theo yêu cầu dành cho những công trình hiện hữu có chiều cao đặc biệt hoặc bị hạn chế nghiêm ngặt về không gian.

Với kinh nghiệm triển khai thành công nhiều dự án cao cấp trên toàn thế giới, chúng tôi cung cấp các giải pháp di chuyển được tối ưu hóa cho những môi trường có yêu cầu khắt khe như sân bay, bệnh viện, trung tâm thể thao, bảo tàng và các trung tâm thương mại quy mô lớn.



Năng lực sản xuất cao

Công thức để sản xuất nhiều hơn và tốt hơn

Nền tảng kỹ thuật được xây dựng qua nhiều năm kết hợp với năng lực chuyên môn của các đối tác trên toàn cầu giúp **KOHLER** đảm bảo nguồn cung ổn định các hệ thống thang máy cao cấp với tiêu chuẩn chất lượng cao nhất.

Không ngừng đổi mới, đội ngũ chuyên môn của chúng tôi ứng dụng hệ thống ERP tiên tiến cùng giải pháp logistics thông minh, qua đó đạt năng lực sản xuất cao và đáp ứng hiệu quả các dự án quy mô lớn.

Chúng tôi luôn khuyến khích khách hàng đến tham quan trực tiếp nhà máy để trải nghiệm thực tế quy trình sản xuất hiện đại và hệ thống kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt của **KOHLER**.



Kinh nghiệm và niềm tin
Đối tác chuyên nghiệp và đáng tin cậy của bạn

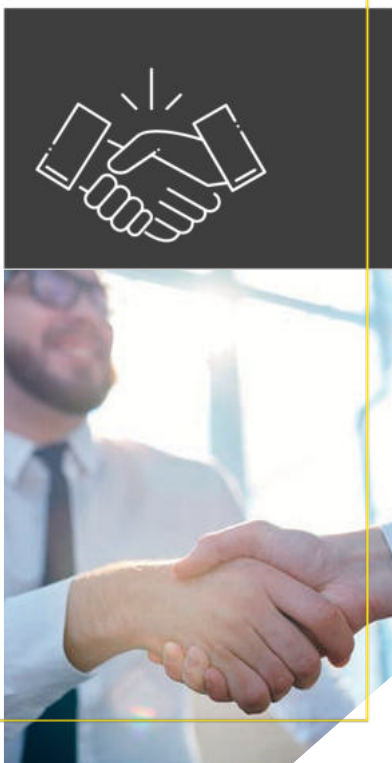
ĐỘI NGŨ CỦA CHÚNG TÔI

Với bề dày hàng thập kỷ về kỹ thuật và chuyên môn, chúng tôi luôn kiên định theo đuổi những tiêu chuẩn cao nhất về chất lượng và dịch vụ khách hàng.

Năng lực chuyên môn của chúng tôi được khẳng định qua hàng nghìn khách hàng đã tin tưởng lựa chọn **KOHLER** trong suốt nhiều năm qua, cùng mạng lưới rộng khắp các hệ thống thang máy cao cấp đã được lắp đặt trên toàn thế giới.

Với mong muốn mang đến dịch vụ nhanh chóng, trực tiếp và hiệu quả hơn cho khách hàng tại Việt Nam, chúng tôi đã xây dựng các đội ngũ kỹ thuật chuyên trách tại nhiều thành phố trọng điểm trên cả nước.

Bên cạnh đó, **KOHLER** sở hữu Showroom hiện đại và được trang bị đầy đủ, nơi khách hàng có thể trực tiếp trải nghiệm các hệ thống thang máy cao cấp với quy mô và thiết kế thực tế ngay tại cơ sở của chúng tôi.



Mức độ tự động hóa cao

Chúng tôi cam kết đổi mới và ứng dụng công nghệ mới

KOHLER luôn tiên phong trong lĩnh vực phát triển công nghệ ngành thang máy. Ngay từ những ngày đầu thành lập, chúng tôi không ngừng đầu tư vào các công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao hiệu suất vận hành và mức độ an toàn của hệ thống.

Cơ sở hạ tầng của chúng tôi được trang bị đầy đủ công nghệ hiện đại, phục vụ các quy trình điều khiển điện tử và hệ thống truyền thông viễn thông tiên tiến. Nhờ đó, các hệ thống thang máy **KOHLER** đạt mức độ tự động hóa cao, đồng thời tích hợp khả năng giám sát thông minh và vận hành liên mạch.



Mạng lưới đại lý kinh doanh rộng khắp
Chúng tôi mở rộng để đồng hành gần hơn với bạn

Nhằm đảm bảo hỗ trợ thương mại tốt nhất và duy trì sự kết nối gần gũi với khách hàng, **KOHLER** đã xây dựng mạng lưới rộng khắp các nhà phân phối và đối tác kinh doanh được chứng nhận, với tiêu chuẩn chuyên nghiệp cao.

Sự hiện diện chiến lược này cho phép chúng tôi cung cấp các giải pháp di chuyển toàn diện cùng dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật chuyên sâu tại nhiều khu vực, đảm bảo khả năng phản hồi nhanh chóng và trở thành đối tác tin cậy lâu dài của bạn trong mọi dự án.



Năng lực vận chuyển

Hiệu quả trong từng lần giao hàng

Hệ thống logistics tiên tiến của chúng tôi đảm bảo tính linh hoạt và độ chính xác cao nhất trong toàn bộ quá trình giao hàng. Tại **KOHLER**, chúng tôi điều phối vận chuyển một cách đồng bộ và giám sát lô hàng theo thời gian thực, qua đó giảm thiểu thời gian chờ đợi cho khách hàng.

Với hệ thống kho bãi được tối ưu hóa cùng chuỗi cung ứng được xây dựng chiến lược, chúng tôi đảm bảo mọi hệ thống thang máy cao cấp và các linh kiện kỹ thuật đều được vận chuyển an toàn, chính xác và đúng tiến độ đến công trình.



Mạng lưới sản xuất của chúng tôi

Chúng tôi kết hợp bề dày chuyên môn của các đối tác toàn cầu với hệ thống các nhà máy sản xuất hàng đầu đặt tại **CHLB Đức, Tây Ban Nha, Trung Quốc.**

Với mục tiêu không ngừng mang đến dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, chúng tôi hợp tác chặt chẽ với các nhà sản xuất hàng đầu quốc tế trong ngành thang máy, cùng xây dựng những giải pháp chất lượng cao và đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của thị trường

Việc kết hợp năng lực sản xuất tiên tiến của các đối tác với thế mạnh của **KOHLER** giúp chúng tôi đáp ứng nhu cầu của những khách hàng có yêu cầu khắt khe nhất, thông qua việc cung cấp các giải pháp toàn diện, hiệu quả và chất lượng cao



NHÀ MÁY CỦA CHÚNG TÔI



“Đoàn kết tạo nên sức mạnh”

Chúng tôi phát huy bề dày chuyên môn, mạng lưới hoạt động toàn cầu và năng lực chuyên biệt của ba cơ sở sản xuất chiến lược tại **CHLB Đức, Tây Ban Nha và Trung Quốc**.

Tại các trung tâm sản xuất này, chúng tôi không ngừng đầu tư trong nhiều năm vào tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, từ cơ khí chính xác, hệ thống điều khiển thông minh đến các phần mềm thiết kế kỹ thuật số tiên tiến.

Hệ sinh thái sản xuất toàn cầu được tích hợp này cho phép chúng tôi mang đến tiêu chuẩn dịch vụ cao nhất cho khách hàng trong toàn bộ vòng đời dự án — từ thiết kế kiến trúc ban đầu, tư vấn và cung cấp sản phẩm theo yêu cầu cho đến dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật hậu mãi nhanh chóng và lâu dài.

CHLB ĐỨC

Cơ sở sản xuất của KOHLER tại Đức được trang bị những công nghệ tiên tiến nhất trong thiết kế kỹ thuật và sản xuất tự động hóa. Nhà máy hiện đại này được tích hợp đầy đủ các công nghệ hàng đầu của châu Âu trong gia công kim loại tấm chính xác và cắt laser công nghệ cao.

Nhà máy tại Đức sở hữu các khu vực lắp ráp chuyên biệt, được thiết kế riêng cho quá trình sản xuất cabin thang máy cao cấp, khung cabin, khung đối trọng và các loại phụ kiện cơ khí.

Với nền tảng công nghệ tiên tiến và tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt, cơ sở sản xuất tại Đức góp phần thiết lập tiêu chuẩn quốc tế về độ tin cậy và độ chính xác theo công nghệ kỹ thuật Đức.

TÂY BAN NHA

Cơ sở sản xuất của KOHLER tại Tây Ban Nha là một trung tâm quan trọng tại châu Âu, chuyên về thiết kế và kỹ thuật các linh kiện chuyên dụng, đồng thời có khả năng linh hoạt cao trong sản xuất.

Nhà máy hiện đại này nổi bật với năng lực sản xuất hệ thống cửa tự động cao cấp, các bộ phận an toàn có độ chính xác cao và các hạng mục hoàn thiện kiến trúc theo yêu cầu.

Kết hợp tay nghề chế tạo châu Âu với công nghệ sản xuất linh hoạt, cơ sở tại Tây Ban Nha có thể mạnh trong việc phát triển các giải pháp thang máy thiết kế theo yêu cầu, đáp ứng chính xác những yêu cầu kiến trúc phức tạp, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn an toàn của Liên minh Châu Âu (EU).

TRUNG QUỐC

Cơ sở sản xuất của KOHLER tại Trung Quốc đóng vai trò là trung tâm sản xuất công suất lớn và tối ưu hóa chuỗi cung ứng. Với hệ sinh thái sản xuất quy mô lớn tiên tiến cùng hệ thống robot tự động hóa tốc độ cao và độ chính xác cao, nhà máy chuyên sản xuất hàng loạt các cấu kiện kết cấu thang máy chắc chắn, máy kéo công suất lớn và hệ thống thang máy dành cho các công trình cao tầng.

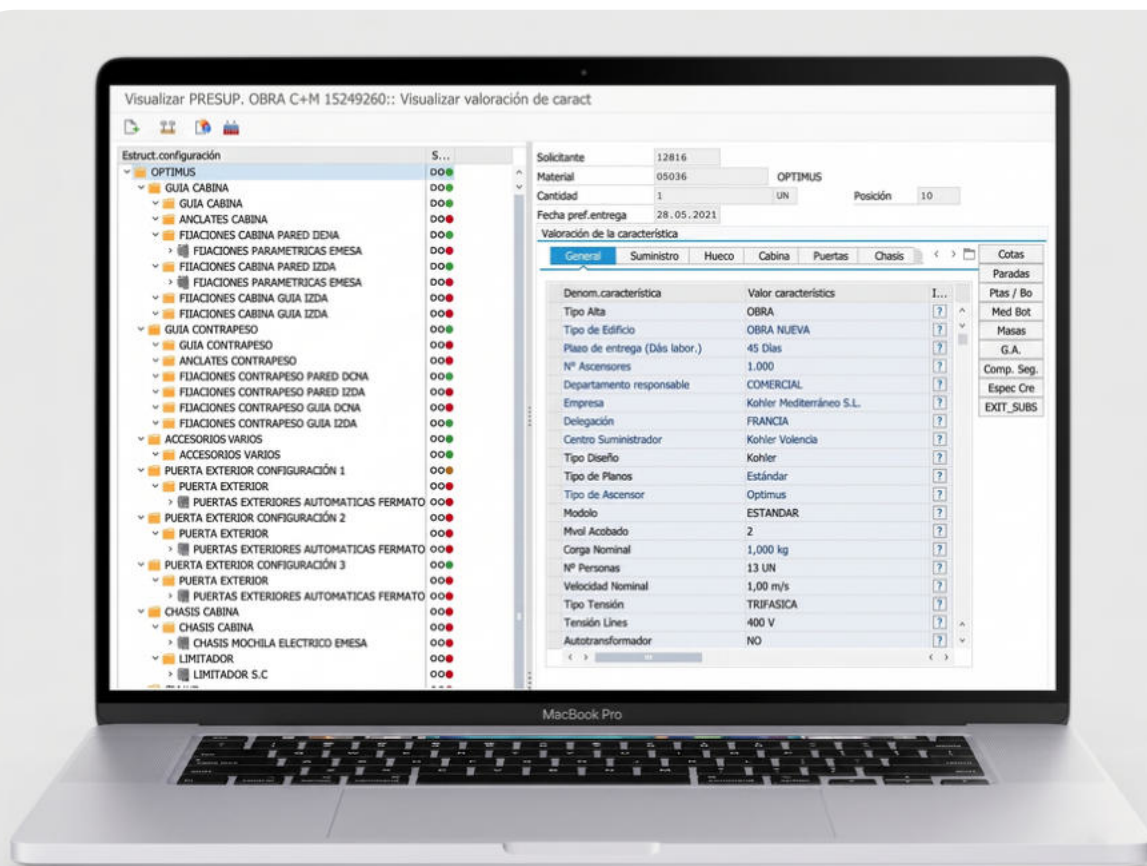
Cơ sở sản xuất tại Trung Quốc kết hợp các tiêu chuẩn chất lượng nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn quốc tế với khả năng sản xuất linh hoạt và đáp ứng nhanh, qua đó đảm bảo thời gian cung ứng ngắn và năng lực vượt trội để đáp ứng những yêu cầu khắt khe của các dự án quy mô lớn nhất trên thế giới.

► Giải pháp Hệ thống của chúng tôi



Tại **KOHLER**, chúng tôi sử dụng hệ thống quản lý **SAP ERP** đã được công nhận rộng rãi, cung cấp một hệ thống cấu hình sản phẩm mạnh mẽ dựa trên công nghệ trí tuệ nhân tạo (**AI**).

KOHLER



AKES

Hệ thống cấu hình sản phẩm

KOHLER

“AKES” là một hệ thống mạnh mẽ được phát triển bởi đội ngũ kỹ thuật của **KOHLER**, dựa trên hệ thống cấu hình sản phẩm SAP.

Hệ thống này được đưa vào sử dụng tại **KOHLER** từ năm 2008 và trong suốt những năm qua đã góp phần tối ưu hóa hiệu quả quy trình kinh doanh và cung cấp thang máy.

Kể từ khi được phát triển, **“AKES”** liên tục được các kỹ sư cải tiến với hơn 6.000 lần cập nhật và điều chỉnh. Hiện nay, **“AKES”** là một hệ thống hoàn thiện, với hơn 90.000 thông số đầu vào và hơn 13.000 quy tắc được thiết lập và kiểm chứng.



Tự động tạo tài liệu chi tiết



Các kế hoạch



Hướng dẫn lắp ráp



Đưa vào sử dụng



“AKES” hỗ trợ chúng tôi trong toàn bộ quá trình báo giá, đấu thầu và đặt hàng thang máy, giúp quy trình trở nên đáng tin cậy hơn và nâng cao chất lượng sản phẩm, từ giai đoạn lập báo giá cho đến khi sản phẩm được giao đến khách hàng.

Hệ thống cũng đảm bảo việc thẩm định và xác nhận kỹ thuật đối với sản phẩm, đồng thời duy trì mức chất lượng tối ưu



Trang web toàn cầu



Quét mã QR này để truy cập vào công cụ cấu hình.
<https://kohler-germanlift.de>



Trang web địa phương



Quét mã QR này để truy cập vào công cụ cấu hình.
<https://kohler-germanlift.com.vn>



KOHLER



Kohler Kỹ thuật viên





KOHLER

Skyline MR | MRL là dòng thang máy điện có hoặc không có phòng máy, có khả năng thích ứng với nhiều điều kiện khác nhau của hố thang, hố pit và chiều cao OH (đỉnh giếng thang).

Dải tải trọng rộng.

Các ứng dụng

Công trình nhà ở.

Trung tâm thương mại. Các dự án phát triển mới. Khách sạn.

Bệnh viện.

Văn phòng.

Thang máy tải giường bệnh.

Nhà cao tầng Lưu lượng người qua lại lớn.

Thuận lợi

Dành cho cả công trình mới và giếng thang hiện hữu có hố thang và khoảng không gian phía trên (headroom) bị hạn chế (theo tiêu chuẩn EN 81.21).

Tính linh hoạt:

Không yêu cầu phòng máy, mang lại sự tự do cao hơn trong thiết kế kiến trúc. Mặc dù đặc biệt phù hợp với các công trình xây dựng mới, thang máy vẫn có khả năng thích ứng với nhiều loại hố thang, bao gồm cả các hố thang có cấu hình đặc biệt.

Tính linh hoạt / Khả năng thích ứng.

Được tùy chỉnh theo yêu cầu của từng khách hàng. Cung cấp đa dạng về tải trọng, kích thước và tốc độ. Kết cấu chắc chắn, bền bỉ và đáng tin cậy. Tủ điều khiển có thể được lắp đặt trong khung cửa tầng (rộng 120 mm) hoặc tại tầng dừng. Nguồn điện có thể sử dụng điện 1 pha hoặc 3 pha.

Độ êm ái

Nhờ cấu hình khung cabin đặt giữa và hệ thống treo cáp 2:1, thang máy đảm bảo độ êm ái tối đa trong quá trình vận hành, đồng thời giảm thiểu tiếng ồn.

Độ bền cao

Chi phí bảo trì thấp. Thang máy có tuổi thọ dài và hầu như không yêu cầu sửa chữa.

Lắp đặt dễ dàng

Thiết kế hoàn thiện, theo nguyên lý plug-and-play, giúp đơn giản hóa quá trình lắp đặt. Bộ máy được đỡ bằng hệ thống ray dẫn hướng riêng, qua đó tối ưu hóa không gian trong hố thang.





Đặc tính kỹ thuật

Tải trọng định mức (Kg)	300 - 1.600
Tốc độ định mức (m/s)	0,5 - 8,0
Phòng máy	CCM / SCM
Hành trình (m)	Up to 100
Tỷ số truyền động	2:1
Đường kính cáp kéo (mm)	6,5 - 8,0

Hệ thống dẫn hướng Guốc dẫn hướng có giảm chấn, mang lại sự êm ái cao hơn

Q (Kg)	Pit tối thiểu (mm)		Đỉnh giếng thang tối thiểu (mm)	
	Min pit	Necessary headroom	Min headroom	Necessary pit
450	340	3.340	2.985	655
630	340	3.370	2.985	705
1.000 ⁽²⁾	340	3.370	3.000	705
1.350 ⁽³⁾	345	3.415	3.090	725
1.600	450	3.475	3.330	755

Số lối vào 0° - 180°

Loại cửa Tự động - Bán tự động

Tùy chọn cabin toàn cảnh / cabin quan sát Yes

Chống chịu thời tiết Yes

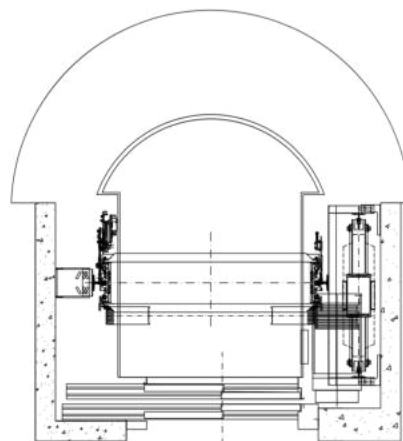
(1) Dữ liệu áp dụng cho các hệ thống lắp đặt với tốc độ 1 m/s. Chiều cao đỉnh giếng thang được tính với chiều cao thông thủy bên trong cabin là 2.005 mm.

(2) Chiều cao đỉnh giếng thang và độ sâu hố thang tối thiểu áp dụng cho P + Q lên đến 1.933 kg.

(3) Chiều cao đỉnh giếng thang và độ sâu hố thang tối thiểu áp dụng cho P + Q lên đến 2.750 kg.

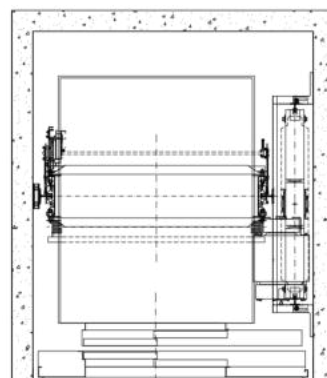
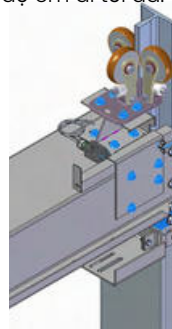
Giải pháp đặc biệt

Các cấu hình có thể áp dụng cho hố thang không theo tiêu chuẩn.



Tốc độ cao – Lên đến 8 m/s

Đối với tốc độ $\geq 1,6$ m/s, khung cabin được trang bị cụm con lăn ba bánh, mang lại độ êm ái tối đa.



Đặc tính kỹ thuật

Các giải pháp được thiết kế riêng

Tải trọng định mức (kg)	300 - 1.600
Tốc độ định mức (m/s)	0,5 - 1,0
Phòng máy	CCM / SCM
Hành trình (m)	Up to 50
Tỷ số truyền động	2:1
Đường kính cáp kéo (mm)	6,5 - 8,0
Hệ thống dẫn hướng	Guốc dẫn hướng giảm chấn - vận hành êm ái hơn

Skyline HR
Headroom 2.430 mm.
(1)

Q (kg)	Chiều cao đỉnh giếng thang tối thiểu (mm) ⁽²⁾	
	Sự hỗ trợ cần thiết	Pit mín.
450	2.430	655
630	2.430	705
1.000 ⁽³⁾	2.430	705
1.350 ⁽⁴⁾	2.430	725
1.600	2.760	755

Số cửa vào	0° - 180°
Loại cửa	Tự động - Bán tự động
Tùy chọn cabin toàn cảnh / cabin quan sát	Yes
Chống chịu thời tiết	Yes

(1) Chiều cao đỉnh giếng thang tối thiểu đối với cabin thang máy theo EN 81-70, loại 2, với chiều rộng giếng thang 1.600 mm.
(2) Thông số áp dụng cho hệ thống lắp đặt với tốc độ 1 m/s. Chiều cao đỉnh giếng thang được tính toán với chiều cao thông thủy bên trong cabin 2.005 mm.
(3) Chiều cao đỉnh giếng thang và chiều sâu hố pit tối thiểu đối với P + Q lên đến 1.933 kg.
(4) Chiều cao đỉnh giếng thang và chiều sâu hố pit tối thiểu đối với P + Q lên đến 2.750 kg.





Đặc tính kỹ thuật

Tải trọng định mức (kg) 300 – 600 ⁽¹⁾

Tốc độ định mức (m/s) 0,5 – 1,0

Phòng máy CCM / SCM

Hành trình (m) Up to 50

Tỷ số truyền động 2:1

Đường kính cáp kéo (mm) 6,5

Hệ thống dẫn hướng Guốc dẫn hướng giảm chấn, mang lại độ êm ái cao

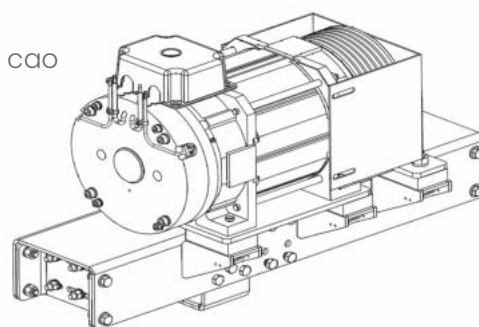
Q (kg)	Pit tối thiểu (mm)		Đỉnh giếng tối thiểu (mm) ⁽²⁾	
	Min pit	Necessary headroom	Min headroom	Necessary pit
450	340	3.340	2.985	655
630	340	3.370	2.985	705

Cổng vào 0° – 180°

Loại cửa Tự động – Bán tự động

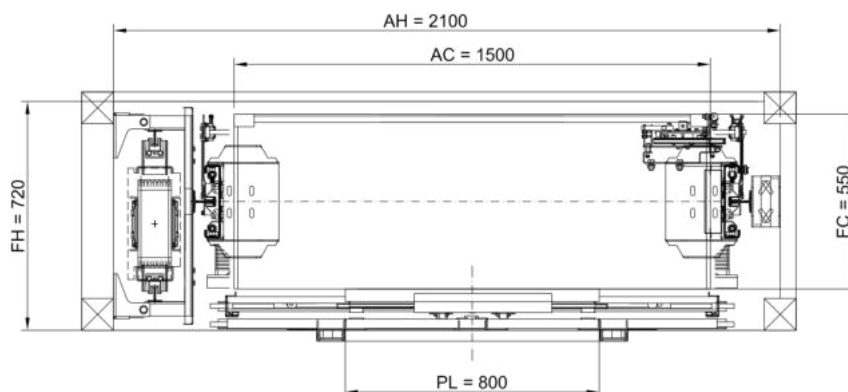
Skyline PF
Chiều rộng hố thang
720 mm.

Tốc độ tối đa: 1 m/s. Bảng điều khiển
được bố trí tại tầng.



(1) Đối với các mức tải trọng khác, vui lòng liên hệ để được tư vấn.

(2) Thông số áp dụng cho hệ thống lắp đặt với tốc độ 1 m/s. Chiều cao đỉnh giếng
thang được tính toán dựa trên chiều cao sử dụng bên trong cabin là 2.005 mm.

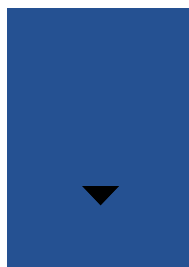




► Các ứng dụng

Skyline G | GC – Thang máy không phòng máy dành cho tải trọng lớn, sử dụng hệ thống treo cáp 4:1.

Chở người & hàng hóa
Trung tâm thương mại
Khách sạn
Bệnh viện
Văn phòng
Tải trọng lớn
Công nghiệp



Đặc tính kỹ thuật của Skyline G và GC

Tải trọng định mức (kg)	Model G	1.800 – 3.200
	Model GC	3.200 – 7.000

Tốc độ định mức (m/s)	0,5 – 1,6
------------------------------	-----------

Phòng máy	CCM / SCM
------------------	-----------

Hành trình (m)	Up to 70
-----------------------	----------

Tỷ số truyền động	Model G	2:1
	Model GC	4:1

Đường kính cáp kéo (mm)	Model G	8-10
	Model GC	10

Hệ thống dẫn hướng	Guốc dẫn hướng giảm chấn – vận hành êm ái hơn
---------------------------	---

Tải trọng (kg)	Chiều cao thủy trong cabin (mm)	Chiều cao đỉnh giếng thang tối thiểu (mm)	Chiều sâu Pit tối thiểu (mm)
3.200	2.200	4.000	1.500
4.000	2.500	4.500	1.600
5.000	2.500	4.500	1.600
7.000	3.000	5.500	2.000

Số cửa vào	0° – 180°
-------------------	-----------

Loại cửa	Tự động
-----------------	---------

Tùy chọn cabin toàn cảnh / cabin quan sát	Yes
--	-----

Chống chịu thời tiết	Yes
-----------------------------	-----

Thuận lợi

Độ êm ái:

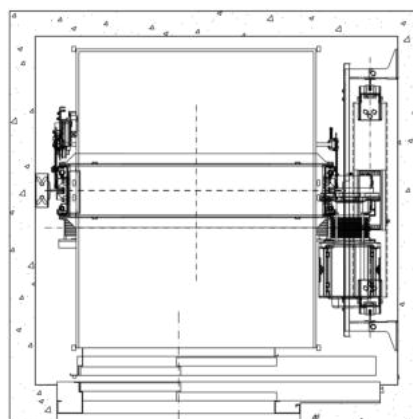
Với các pully được bố trí bên dưới khung cabin, mang lại độ ổn định cao và sự êm ái vượt trội.

Dễ dàng lắp đặt:

Bộ máy tự chịu lực và dầm pully được chuẩn bị sẵn để thích ứng với hố thang.

Khả năng thích ứng:

Có thể trang bị hệ thống chống trôi (anti-creep) cho các trường hợp tải trọng riêng lớn.





Các ứng dụng

Công tác tân trang
Các tòa nhà cao tầng
Lưu lượng truy cập cao
Các công tác hiện đại hóa

Origin là dòng thang máy kéo truyền thống có phòng máy, với tùy chọn máy kéo có hộp số hoặc máy kéo không hộp số (gearless), đáp ứng linh hoạt các yêu cầu về tải trọng và điều kiện công trình.

Thuận lợi

Khả năng thích ứng:

Dễ dàng thích ứng với hồ thang hiện hữu.

Tính linh hoạt:

Đáp ứng tải trọng lớn và hành trình di chuyển dài

Đặc tính kỹ thuật của Origin

Tải trọng định mức (kg)	300 – 5.000
Tốc độ định mức (m/s)	0,63 – 3,0
Phòng máy	CCM
Hành trình (m)	Up to 100
Tỷ số truyền động	1:1 – 1:2 – 4:1
Đường kính cáp kéo (mm)	6,5 – 8 – 10– 12

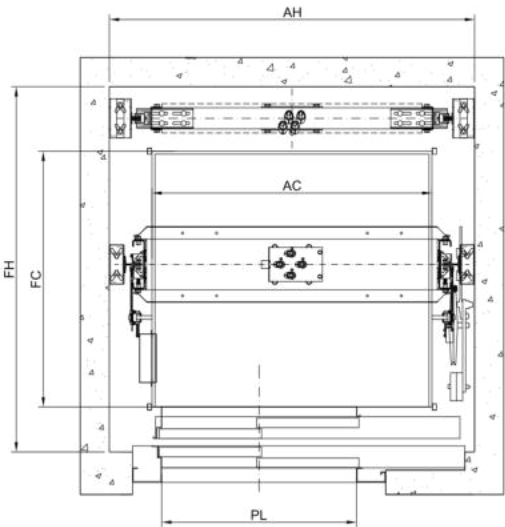
Hệ thống dẫn hướng Guốc dẫn hướng trượt > 1,6 m/s / Guốc dẫn hướng con lăn

Q (kg)	Pit tối thiểu (mm)		Chiều cao đỉnh giếng tối thiểu (mm) ⁽¹⁾	
	Mín. pit	Mín.headroom	Min. Pit.	Min. Headroom
450	360	3.170	685	3.040
600	360	3.170	715	3.135
1.000	730	3.315	730	3.315
1.350	730	3.315	730	3.315

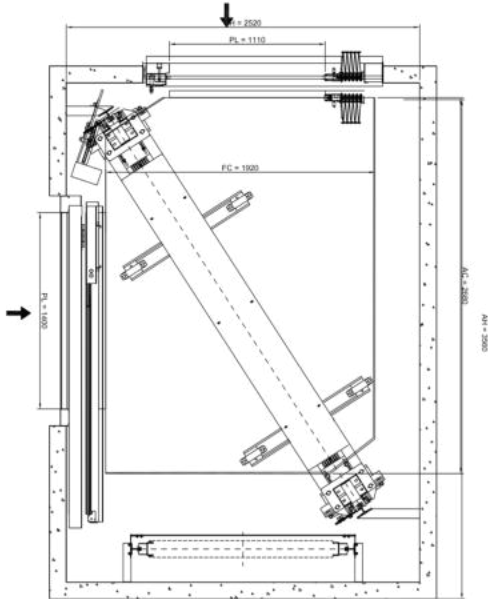
Số cửa vào	0° – 90° – 180° – 270°
Loại cửa	Tự động – Bán tự động
Máy kéo được sản xuất	Geared – Gearless
Tùy chọn cabin toàn cảnh / cabin quan sát	Yes
Chống chịu thời tiết	Yes

(1) Thông số áp dụng cho hệ thống lắp đặt với tốc độ 1 m/s. Chiều cao đỉnh giếng thang được tính toán dựa trên chiều cao sử dụng bên trong cabin là 2.105 mm.

Giải pháp thiết kế theo yêu cầu



Guốc dẫn hướng góc





Các ứng dụng

Optima là dòng thang máy điện, có hoặc không có phòng máy, được thiết kế để tối ưu hóa hiệu quả nhất không gian sẵn có trong hố thang.

Cải tạo nhà ở
Giếng thang hiện hữu
Tu sửa, tân trang
Kích thước giếng thang tối thiểu

Thuận lợi

Tính linh hoạt:

Cho phép bố trí lối vào ở một, hai hoặc ba phía. Giải pháp lý tưởng cho các trường hợp cần lối vào vuông góc (90°).

Điện áp một pha:

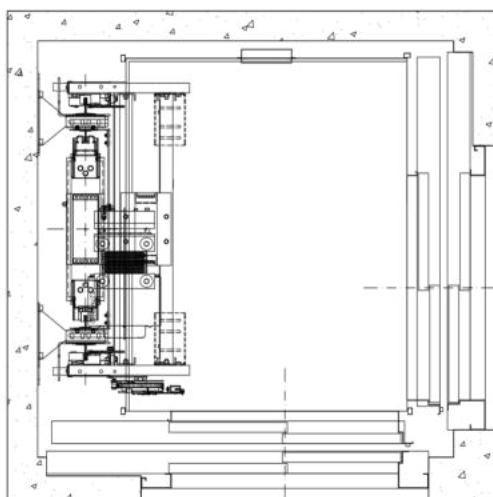
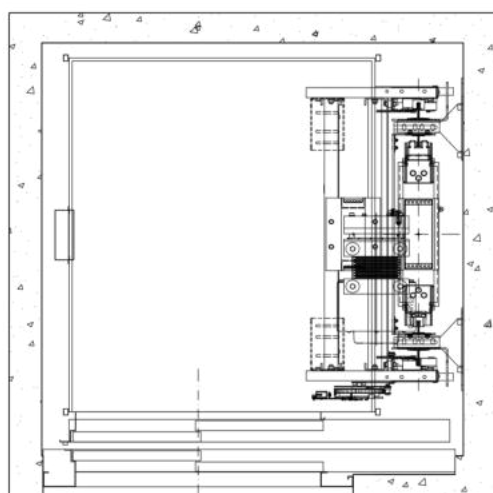
Hoạt động với mọi ổ cắm điện một pha 220V.

Lắp đặt dễ dàng:

Kết cấu bộ đỡ tự chịu lực, dễ dàng lắp ráp.

Khả năng thích ứng:

Các tùy chọn thiết kế dành cho hố thang nông và chiều cao tầng trên cùng (headroom) thấp, tuân thủ tiêu chuẩn EN 81.21. Được tùy chỉnh theo yêu cầu của từng khách hàng.





Đặc tính kỹ thuật

Tải trọng định mức (kg) 180 – 1.250

Tốc độ định mức (m/s) 0,5 – 1,0

Phòng máy CCM / SCM

Hành trình (m) 0° – 90° – 180° – 270°

Tỷ số truyền động 1:1 2:1

Đường kính cáp kéo (mm) 6,5 – 8,0

Hệ thống dẫn hướng Khớp xoay hoặc con lăn bố trí bên cạnh bộ hãm an toàn, giúp đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và hiệu quả.

Minumum pit			Minimal headroom ⁽¹⁾	
Q (Kg)	Min.Pit	Necessary headroom	Min.headroom	Necessary pit
450	300	3.400	3.225	640
630	300	3.400	3.225	640
1.250	470	3.050	3.050	470

Hành trình (m) Up to 50

Loại cửa Tự động – Bán tự động

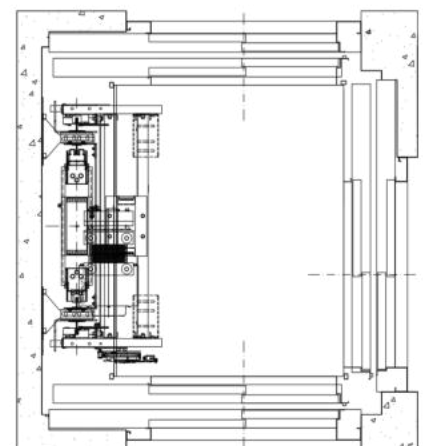
Kích thước kỹ thuật giới hạn (mm) 270

Tùy chọn cabin toàn cảnh / cabin quan sát Yes

Chống chịu thời tiết Yes

Nguồn điện 1 phase/3phase

(1) Thông số áp dụng cho hệ thống lắp đặt với tốc độ 1 m/s. Chiều cao đỉnh giếng thang được tính toán dựa trên chiều cao sử dụng bên trong cabin là 2.005 mm.



Đặc tính kỹ thuật

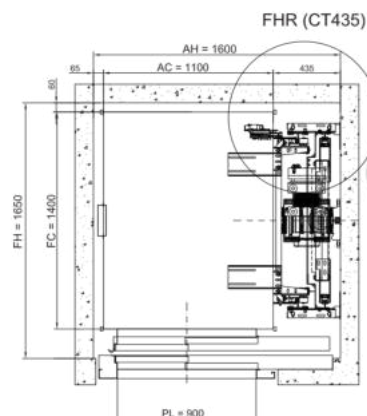
Tải trọng định mức (Kg)	180 - 630
Tốc độ định mức (m/s)	0,5 - 1,0
Phòng máy	CCM / SCM
Số cửa vào	0° - 90° - 180° - 270°
Tỷ số truyền động	2:1
Đường kính cáp kéo (mm)	6,5
Hệ thống dẫn hướng	Khớp xoay hoặc con lăn bên cạnh bộ hãm an toàn, giúp đảm bảo hệ thống vận hành ổn định và hiệu quả
Pit tối thiểu (mm)	300/350
Đỉnh giếng thang tối thiểu (mm) ⁽¹⁾	2.750
Hành trình (m)	Up to 50
Loại cửa	Tự động - Bán tự động
Kích thước kỹ thuật giới hạn (mm)	350/435
Tùy chọn cabin toàn cảnh / cabin quan sát	Yes
Chống chịu thời tiết	Yes
Nguồn điện	1 phase / 3 phase

(1) Thông số áp dụng cho hệ thống lắp đặt với tốc độ 1 m/s. Chiều cao đỉnh giếng thang được tính toán dựa trên chiều cao bên trong cabin là 2.005 mm.

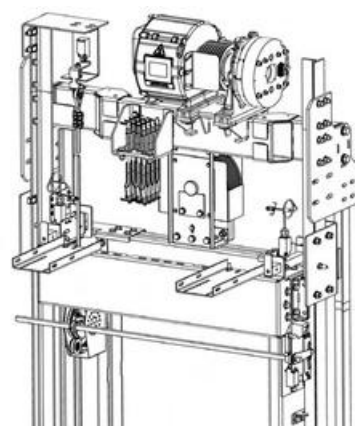
Giải pháp thiết kế theo yêu cầu

Kích thước kỹ thuật: 435 mm.

Tải trọng tối đa Q: 630 kg (Qt tối đa: 1.550 kg)
 Độ sâu hố thang tối thiểu: 300 mm
 Chiều cao đỉnh giếng thang tối thiểu: 2.400 mm
 Kích thước kỹ thuật: 435 mm



FHR-3D





Đặc tính kỹ thuật

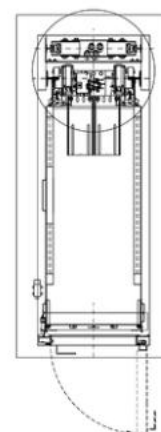
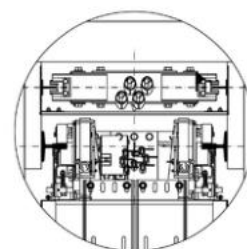
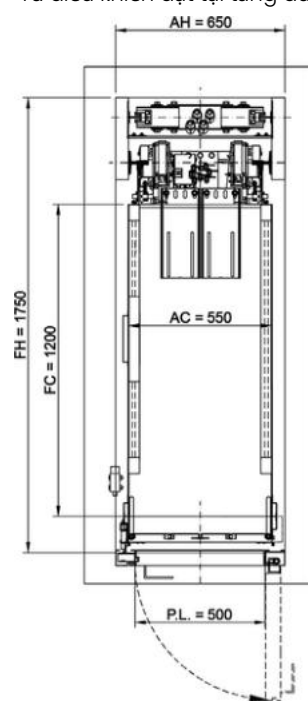
Tải trọng định mức (Kg)	180 - 375
Tốc độ định mức (m/s)	0,5 - 1,0
Phòng máy	CCM / SCM
Số cửa vào	0° - 90° - 180° - 270°
Tỷ số truyền động	2:1
Đường kính cáp kéo (mm)	6,5
Hệ thống dẫn hướng	Guốc dẫn hướng
Pit tối thiểu (mm)	350
Đỉnh giếng thang tối thiểu (mm) ⁽¹⁾	If HR 2.750 mm/ If normal 3.200 mm
Hành trình (m)	Lên đến 50
Loại cửa	Tự động - Bán tự động
Kích thước kỹ thuật giới hạn (mm)	410
Tùy chọn cabin toàn cảnh / cabin quan sát	Yes
Chống chịu thời tiết	Yes
Nguồn điện	1 phase / 3phase

(1) Thông số áp dụng cho hệ thống lắp đặt với tốc độ 1 m/s. Chiều cao đỉnh giếng thang được tính toán dựa trên chiều cao bên trong cabin là 2.005 mm.

Optima GP

Chiều rộng hồ thang:
650 mm.

Tải trọng tối đa (Q max): 375 kg
(Tổng tải trọng tối đa Qt max: 1.165 kg)
Chiều sâu hố pit tối thiểu: 350 mm
Chiều cao đỉnh giếng thang tối thiểu: 3.200 mm
Kích thước kỹ thuật: 410 mm
Tủ điều khiển đặt tại tầng dừng





Harmony là dòng thang máy đa năng nhất, cung cấp nhiều tùy chọn cabin với tải trọng lên đến 500 kg.

Các ứng dụng

Nhà ở
Loại bỏ rào cản kiến trúc
Khả năng tiếp cận

ƯU ĐIỂM

An toàn tối đa:

Thiết kế được nghiên cứu và hoàn thiện kỹ lưỡng nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn cao đối với thang máy, bao gồm hệ thống phát hiện vật cản tại cửa, chức năng tự động mở lại cửa để tránh va chạm với người sử dụng và chức năng tự động cân bằng lại cabin tại tầng dừng.

Linh hoạt trong thiết kế nội thất:

Cung cấp đa dạng tùy chọn trang trí và hoàn thiện cabin, đáp ứng nhiều phong cách kiến trúc khác nhau.

Nguồn điện 1 pha:

Có thể vận hành với nguồn điện 220V 1 pha thông dụng.

Tối ưu không gian:

Tận dụng tối đa 80% diện tích không gian.

Hệ thống cứu hộ khẩn cấp:

Được trang bị hệ thống cứu hộ, cho phép đưa hành khách ra khỏi cabin ngay cả khi mất nguồn điện.



Đặc tính kỹ thuật

Tải trọng định mức (Kg) 180 – 500

Tốc độ định mức (m/s) 0.15–0,30

Công suất điện 1 pha (kW) From 2,2

Phòng máy Có / Bố trí trung tâm trong tủ kỹ thuật

Số cửa vào 0 – 90° – 180° – 270°

Hành trình (m) 15

Pit tối thiểu (mm)	Q ≤ 400 Kg	135
	Q > 400 Kg	200

Đỉnh giếng thang tối thiểu (mm)⁽¹⁾ Chiều cao 2.285 mm –
Không bao gồm cửa cabin

Loại cửa Có hoặc không có cửa cabin
Cửa tầng
Tự động và bán tự động

Nguồn điện 1 Phase

Các mẫu Cabin Tất cả

Tùy chọn cabin toàn cảnh / cabin quan sát Yes

Diện tích cabin Lên đến 2 m²

Có tùy chọn sử dụng nguồn điện 3 pha.

Tùy chọn:
Trang bị cửa cabin.





Thang máy điện tuân thủ Chỉ thị Máy móc 2006/42/EC, với đa dạng tùy chọn trang trí cabin và dải tải trọng lên đến 500 kg.

Ứng dụng

Nhà ở / khu dân cư
Loại bỏ rào cản kiến trúc
Khả năng tiếp cận

ƯU ĐIỂM

An toàn tối đa:

Trang bị phanh trên trục tốc độ thấp của máy kéo, giúp ngăn ngừa các chuyển động không kiểm soát. Cáp kéo được bọc bảo vệ.

Vận hành êm ái và độ thoải mái cao:

Mang lại độ êm ái cao và sự thoải mái tối ưu trong quá trình di chuyển.

Không cần phòng máy:

Tủ điều khiển được tích hợp trong khung cửa, trong khi biến tần được bố trí trong hố thang.

Tùy chọn tủ điều khiển đơn tại tầng dừng.

Linh hoạt trong thiết kế nội thất:

Không hạn chế về các tùy chọn trang trí và hoàn thiện cabin.

Nguồn điện 1 pha:

Có thể vận hành với nguồn điện 220 V 1 pha thông dụng.

Tối ưu không gian:

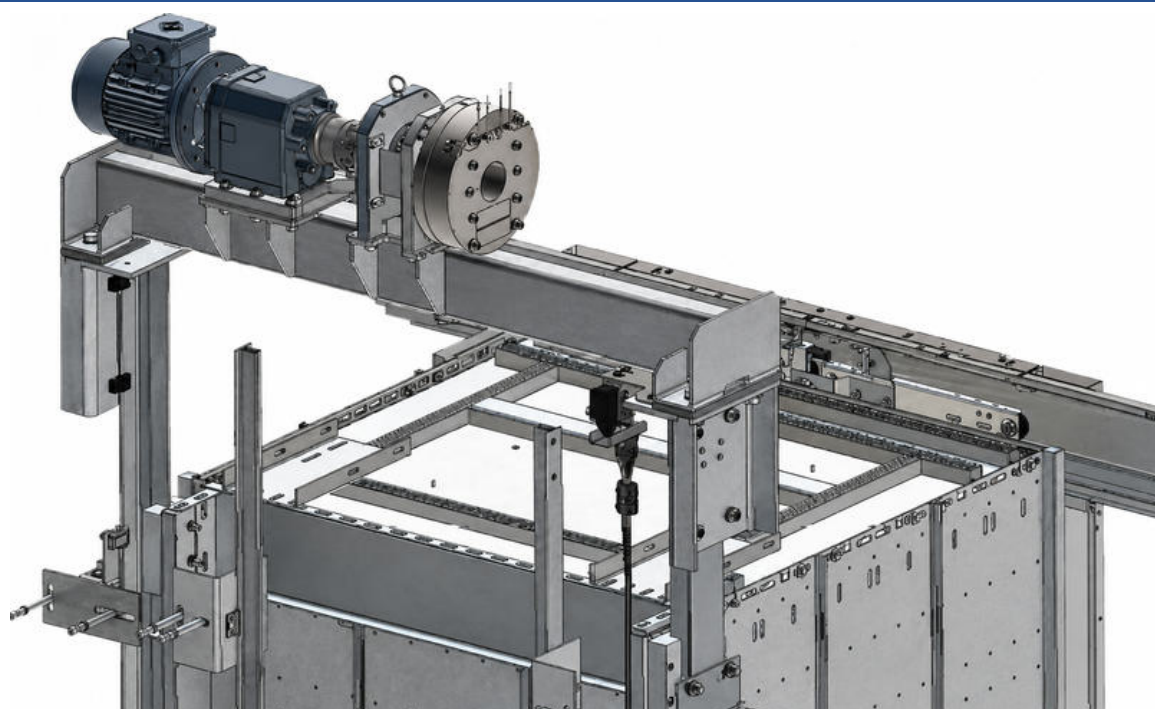
Tối ưu hóa tối đa không gian, tương đương với giải pháp sử dụng thang máy thủy lực.

Cứu hộ khẩn cấp:

Được trang bị hệ thống cứu hộ, cho phép đưa hành khách ra khỏi cabin ngay cả khi mất nguồn điện.

Không sử dụng dầu trong hố thang.

Lý tưởng cho các công trình có lưu lượng sử dụng cao.



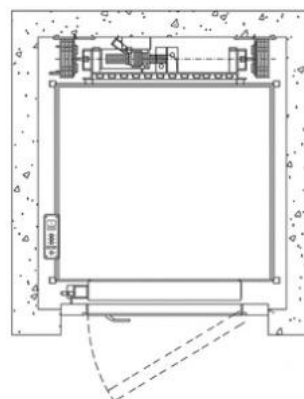
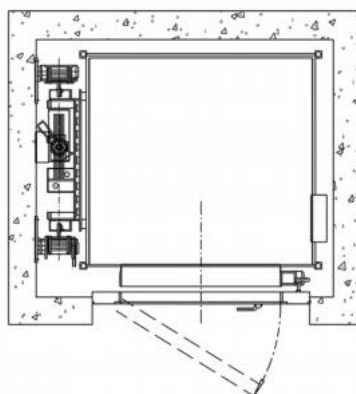
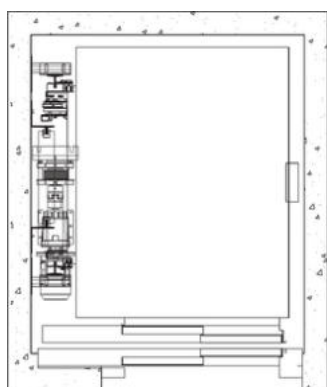
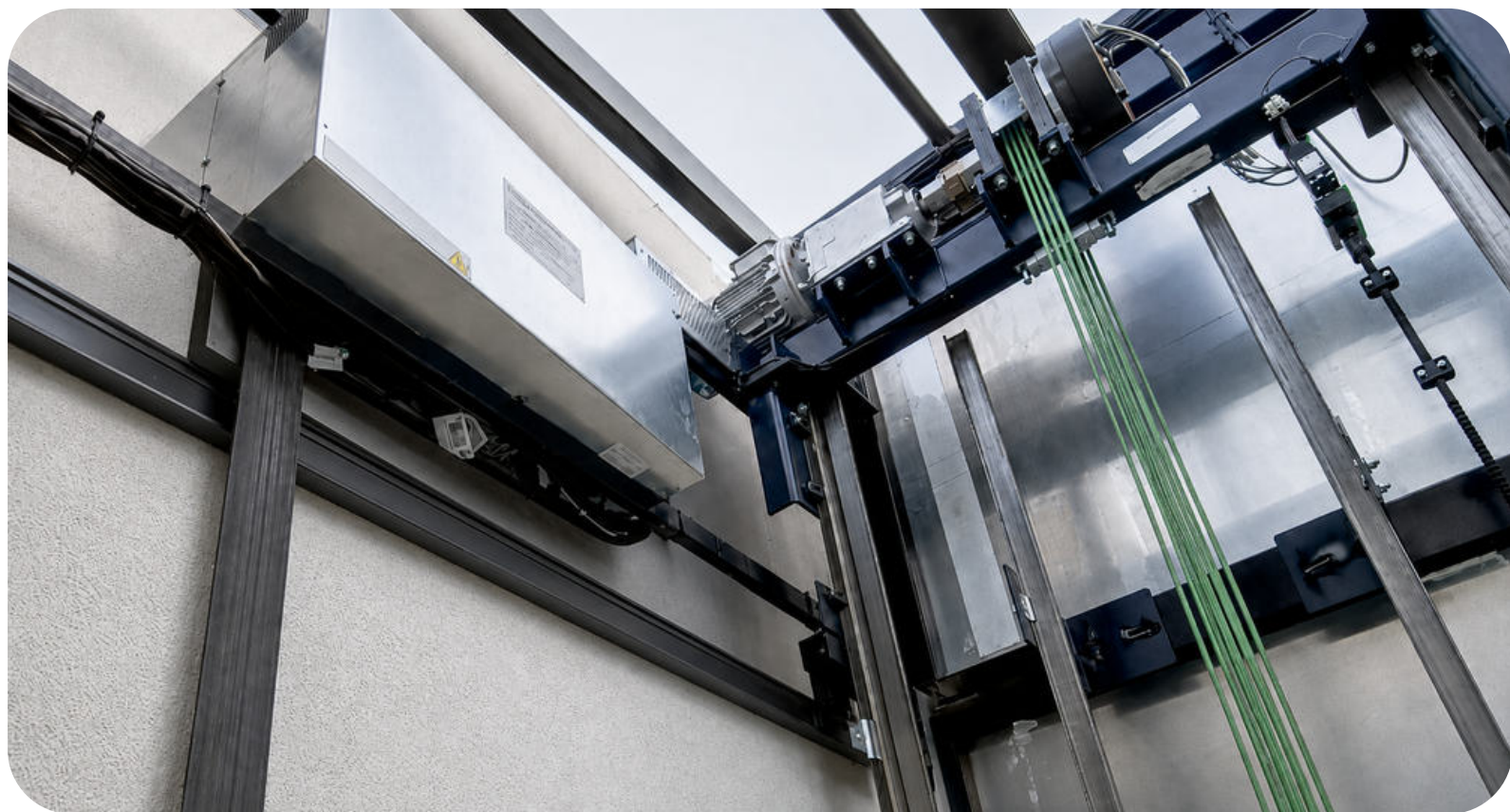


Đặc tính kỹ thuật

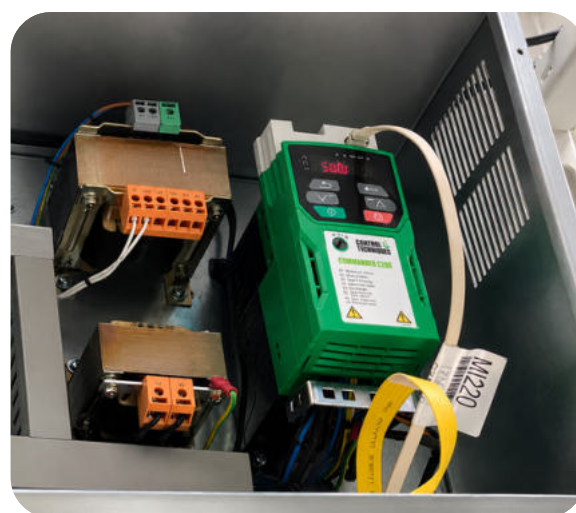
Tải trọng định mức (Kg)	300 – 500	
Tốc độ định mức (m/s)	0,15–0,30	
Tỷ số truyền động	1:1	
Công suất điện 1 pha (kW)	0,75	
Phòng máy	Yes / SCM with door frame control panel	
Số cửa vào	0 – 90° – 180° – 270°	
Hành trình (m)	15	
Pit tối thiểu (mm)	Q ≤ 400 Kg	150
	Q > 400 Kg	200
Đỉnh giếng thang tối thiểu (mm)	2.650	
Loại cửa	Có hoặc không có cửa cabin	
	Cửa tầng Tự động và bán tự động	
Nguồn điện	1 Phase	
Các mẫu Cabin	Tất cả	
Tùy chọn cabin toàn cảnh / cabin quan sát	Yes	
Diện tích cabin	Lên đến 2m ²	

**Không phòng máy**

Tủ điều khiển tích hợp trong khung cửa và thiết kế cabin



▲ Máy kéo giảm tốc sử dụng cáp có vỏ bọc bảo vệ và phanh trên trục tốc độ thấp.



▲ Biến tần được bố trí trong hố thang, với tủ chọn tử điều khiển đơn tại tầng dừng.



Ứng dụng

Cải tạo, nâng cấp nhà ở
Hố thang hiện hữu
Cải tạo, sửa chữa
Hố thang tối thiểu

Hydronic là dòng thang máy thủy lực lý tưởng cho các công trình hiện hữu, có khả năng thích ứng với mọi loại không gian.

Ưu điểm

Tính linh hoạt:

Mỗi thang máy được thiết kế và điều chỉnh phù hợp với từng hố thang, giúp tối ưu hóa không gian sử dụng.

Hố pit và chiều cao đỉnh giếng thang giảm:

Đối với các công trình hiện hữu, thang máy được điều chỉnh để đáp ứng các yêu cầu và quy định về hố pit và chiều cao đỉnh giếng thang giảm, theo EN 81-21.

Độ êm ái:

Mang lại mức độ êm ái vượt trội, tương đương thang máy điện, nhờ sử dụng hệ thống van điện tử.

Khả năng thích ứng:

Dễ dàng điều chỉnh, bảo trì và bảo dưỡng.

An toàn:

Trang bị hệ thống cứu hộ khẩn cấp tự động, luôn được kích hoạt khi cabin di chuyển xuống, ngay cả trong trường hợp máy kéo/hệ thống truyền động gặp sự cố.



Đặc tính kỹ thuật

Tải trọng định mức (Kg) 100 – 1.800

Tốc độ định mức (m/s) 0,2 – 0,63 Option up to 1

Phòng máy CCM / Central cabinet / Central pit

Số lối vào 0° – 90° – 180° – 270°

Tỷ số truyền động 1:1 2:1

Đường kính cáp kéo (mm) 6,5 – 8 – 9 – 10 – 12

Hệ thống dẫn hướng Khớp xoay hoặc con lăn bên cạnh bộ hãm an toàn, đảm bảo vận hành tối ưu.

Hố pit và khoảng hở tối thiểu (mm)		
Q (Kg)	Min. pit	Min. headroom
320	255	2.720
630	265	2.660
1.000	350	2.860
1.250	740	2.860
1.600	740	2.860

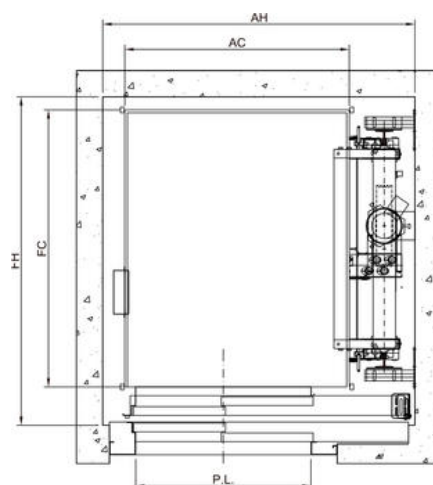
Hành trình (m) Lên đến 25

Loại cửa Tự động – Bán tự động

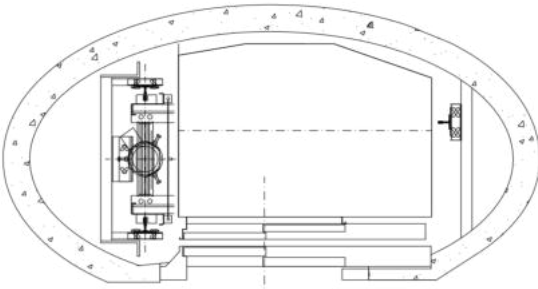
Thiết bị thủy lực GMV – MORIS – BUCHER

Tùy chọn cabin toàn cảnh / cabin quan sát Yes

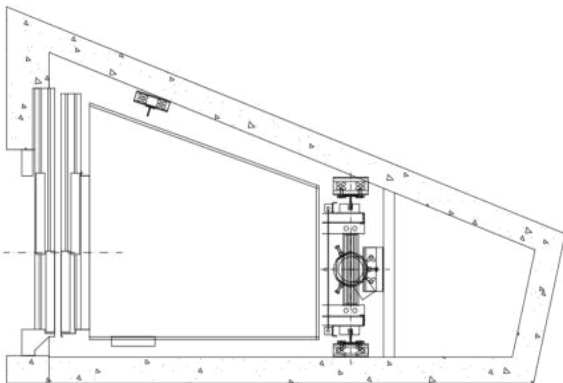
Chống chịu thời tiết Yes



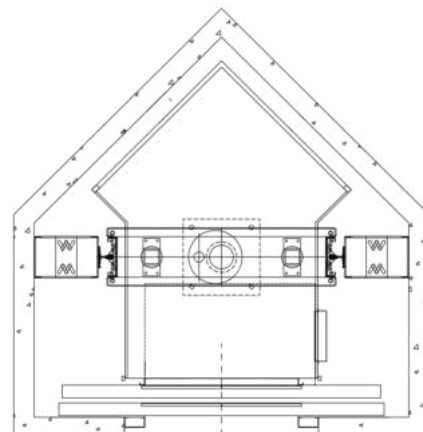
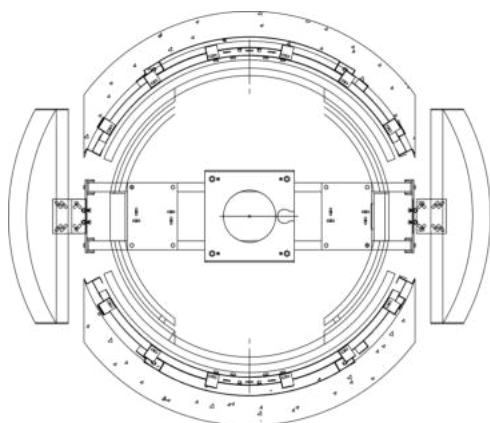
Toàn cảnh



Hố thang không tiêu chuẩn



Xi lanh thủy lực giếng khoan





Thang máy thủy lực hai piston chở người và hàng hóa

Kích thước tiêu chuẩn

Q (kg)	AH	FH	AC	FC	PL
1500	2300	2500	1500	2200	1000
2000	2600	2500	1800	2200	1500
2500	3000	2500	2200	2200	1800
3000	3150	2850	2200	2500	1900
3500	3200	3150	2250	2800	2200
4000	3200	3550	2250	3200	2200
5000	3450	3850	2500	3500	2400

AH Chiều rộng hố

FH Chiều sâu hố

AC Chiều rộng Cabin

FC Chiều sâu Cabin

PL Kích thước thông thủy cửa

Ứng dụng

Công nghiệp
Tải trọng lớn

► Ứng dụng thang máy chở hàng

Phân bố tải trọng đồng đều:

Hàng hóa được đưa vào cabin bằng phương pháp thủ công hoặc sử dụng xe nâng pallet tay. Đối với tải trọng lớn hơn, cần trang bị bộ khóa chống trôi (anti-creep locks).

Trọng lượng của mỗi kiện hàng đưa vào cabin không được vượt quá $Q/4$.

Tải trọng tập trung cao:

Có thể đưa xe chở hàng trực tiếp vào cabin.

Độ êm ái:

Trang bị cụm van điện tử, giúp cabin vận hành êm ái và ổn định trong suốt hành trình.

Đặc tính

Tải trọng định mức (Kg)	1.500 – 10.000*
Tốc độ định mức (m/s)	0,18 – 0,63
Phòng máy	CCM
Hành trình (m)	Up to 25 m
Tỷ số truyền động	1:1 – 2:1
Đường kính cáp kéo (mm)	10 – 13

Q (kg)	Pit tối thiểu (mm)	Đỉnh giếng thang tối thiểu (mm)
Q ≤ 2.500	1.000	3.245
Q > 2.500	1.035	3.245
Q ≥ 3.500	1.055	3.245

Loại cửa	Tự động
Kích thước thông thủy	1.300 – 3.000 mm
Thiết bị thủy lực	GMV / MORIS / BUCHER
Tủ điều khiển	All
Các mẫu Cabin	Q01 – Q02 – Q03 – Q4 – Q11 – Q12 – Q13 – Q14
Tùy chọn cabin toàn cảnh / cabin quan sát	No
Chống chịu thời tiết	No

Có thể đáp ứng các dải tải trọng nhất định tùy thuộc vào đặc điểm của công trình lắp đặt.

Các tiêu chuẩn / Quy định

EN 81/2
EN 81.20
EN 81.21





Ưu điểm

An toàn:

Trong trường hợp mất điện, cabin sẽ tự động hạ xuống tầng dừng gần nhất, giúp việc lấy hàng ra và mở cửa trở nên dễ dàng hơn (tùy chọn).

Lắp đặt dễ dàng:

Thiết kế được tối ưu nhằm rút ngắn thời gian lắp đặt, qua đó giảm số giờ thi công.

Độ ổn định:

Cabin được trang bị kết cấu gia cường, mang lại độ cứng vững và ổn định cao hơn.

Hệ thống chống trôi cabin (Dành cho tải trọng tập trung lớn)

Hệ thống duy trì độ cao cabin trong quá trình xếp và dỡ hàng.

LOẠI 1: Khi yêu cầu độ êm ái và ổn định cao. Cabin được ngăn không cho di chuyển nhờ 2 hoặc 4 thiết bị chống trôi (Pawl Devices) được gắn vào khung cabin.

NS 40/50: Tải trọng tối đa 4.000 kg.

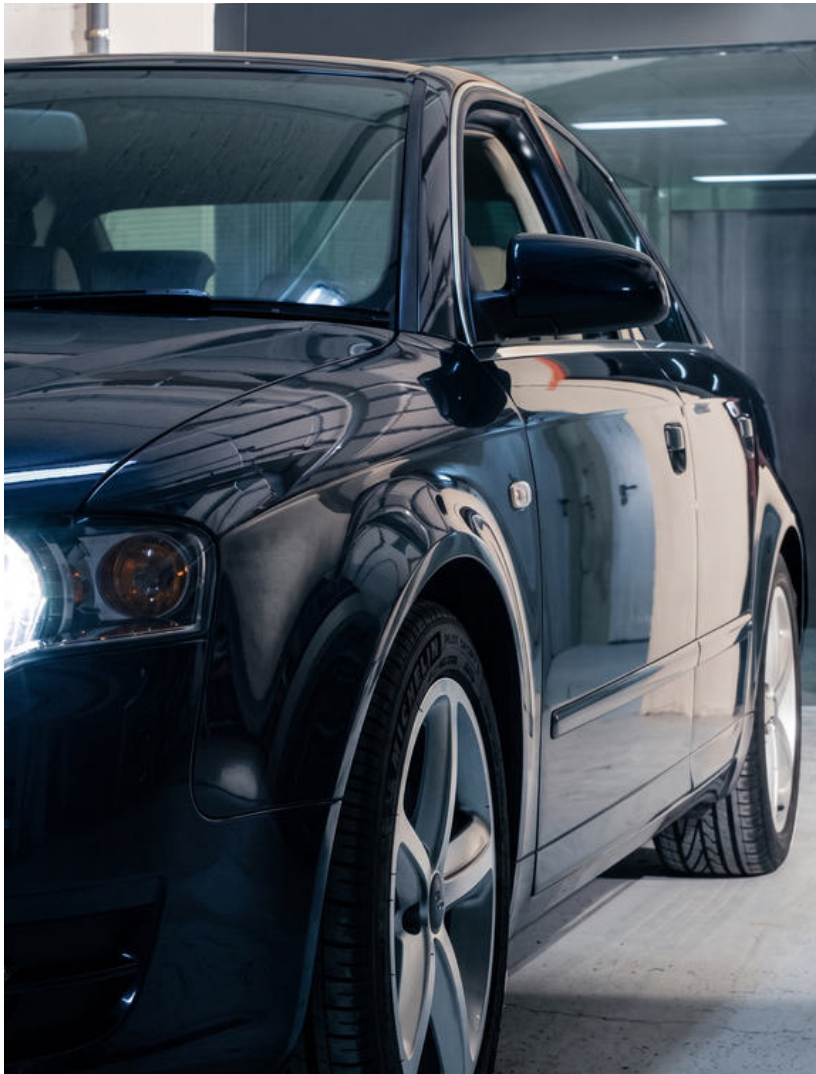
NS 70/100: Tải trọng tối đa 7.000 kg.



LOẠI 2: Chỉ áp dụng cho thang máy chở hàng.

Bộ hãm an toàn đóng mạch, giúp ngăn ngừa thất thoát dầu thủy lực.





Ứng dụng

Xe ô tô
Nhà ở

Thang nâng ô tô thủy lực đáp ứng các yêu cầu của Chỉ thị Thang máy.

Ưu điểm

An toàn:

Trong trường hợp mất điện, cabin sẽ tự động hạ xuống tầng dừng gần nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đưa xe ra khỏi cabin và mở cửa (tùy chọn).

Lắp đặt dễ dàng:

Thiết kế được tối ưu nhằm rút ngắn thời gian lắp đặt, qua đó giảm số giờ thi công.

Độ ổn định:

Cabin được trang bị kết cấu gia cường, mang lại độ cứng vững và độ ổn định cao hơn.

Hệ thống hỗ trợ đỗ xe:

Giúp định vị xe dễ dàng bằng cảm biến quang điện hoặc thanh chắn.

Màn hình hiển thị phía trên cửa cho biết xe đã được đặt đúng vị trí hay chưa (tùy chọn).

Hồ thang tiêu chuẩn

Q (kg)	AH	FH	AC	FC	PL
3000	3250	5300	2300	4900	2100
3500	3450	5400	2500	5000	2200
4000	3600	5900	2600	5500	2300
5000	3900	6400	3000	5800	2500

AH Shaft width
FH Shaft depth
AC Cabin width

FC Cabin depth
PL Door clearance

► Ứng dụng thang nâng ô tô

CHỨNG NHẬN

Chúng tôi có quyết định miễn trừ thiết kế dành cho hệ thống **Automotive**, cho phép tối ưu hóa thiết kế thang nâng ô tô phù hợp với các mức tải trọng sử dụng. Miễn trừ áp dụng tiêu chuẩn đối với trường hợp diện tích cabin lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 6 của tiêu chuẩn **EN 81-20**.

Đặc tính kỹ thuật

Tải trọng định mức (Kg)	3.000 – 5.500*
Tốc độ định mức (m/s)	0,18 – 0,5
Phòng máy	CCM
Hành trình (m)	Up to 25 m
Tỷ số truyền động	2:1
Đường kính cáp kéo (mm)	12 – 13

Q (kg)	Pit tối thiểu (mm)	Đỉnh giếng thang tối thiểu (mm)
Q ≤ 5.000 Q = 5.500	900 1.000	2.925

Loại cửa	Tự động
Kích thước thông thủy cửa	2.000 – 3.000 mm
Thiết bị thủy lực	GMV / MORIS / BUCHER
Tủ điều khiển	Tất cả
Các mẫu Cabin	QMC01-QMC02 – QMC03 – QMC04 – PR40MCB
Tùy chọn cabin toàn cảnh / cabin quan sát	No
Chống chịu thời tiết	No

Có thể đáp ứng các dải tải trọng khác nhau tùy thuộc vào đặc điểm của công trình lắp đặt.

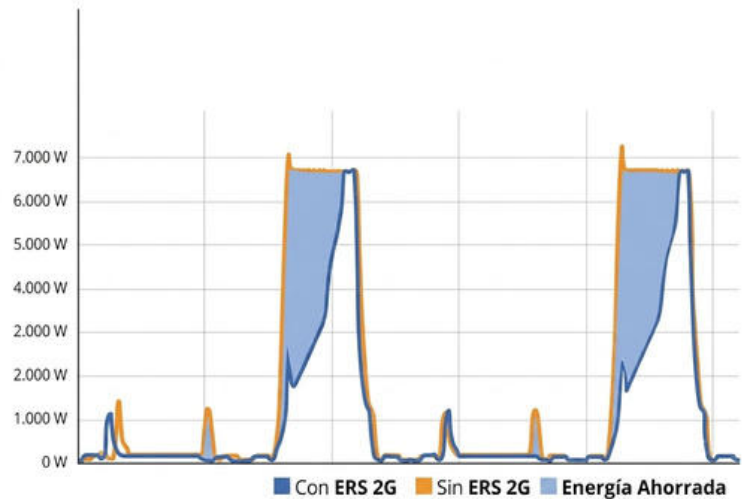
Regulations

EN 81/2
EN 81.20
EN 81.21

Giải pháp tái sinh năng lượng

2.0

ERS 2G – Hệ thống tái sinh năng lượng



Cách mạng hóa mức tiêu thụ năng lượng của thang máy.
Giải pháp tái sinh năng lượng tích hợp hệ thống lưu trữ.
Hệ thống thu hồi năng lượng do thang máy tạo ra và tái sử dụng trực tiếp cho chính thang máy, giúp giảm mức tiêu thụ điện năng của hệ thống kéo lên đến 70%.
Plug & Play – Lắp đặt và vận hành đơn giản.

P2S – Chuyển đổi sang nguồn điện 1 pha

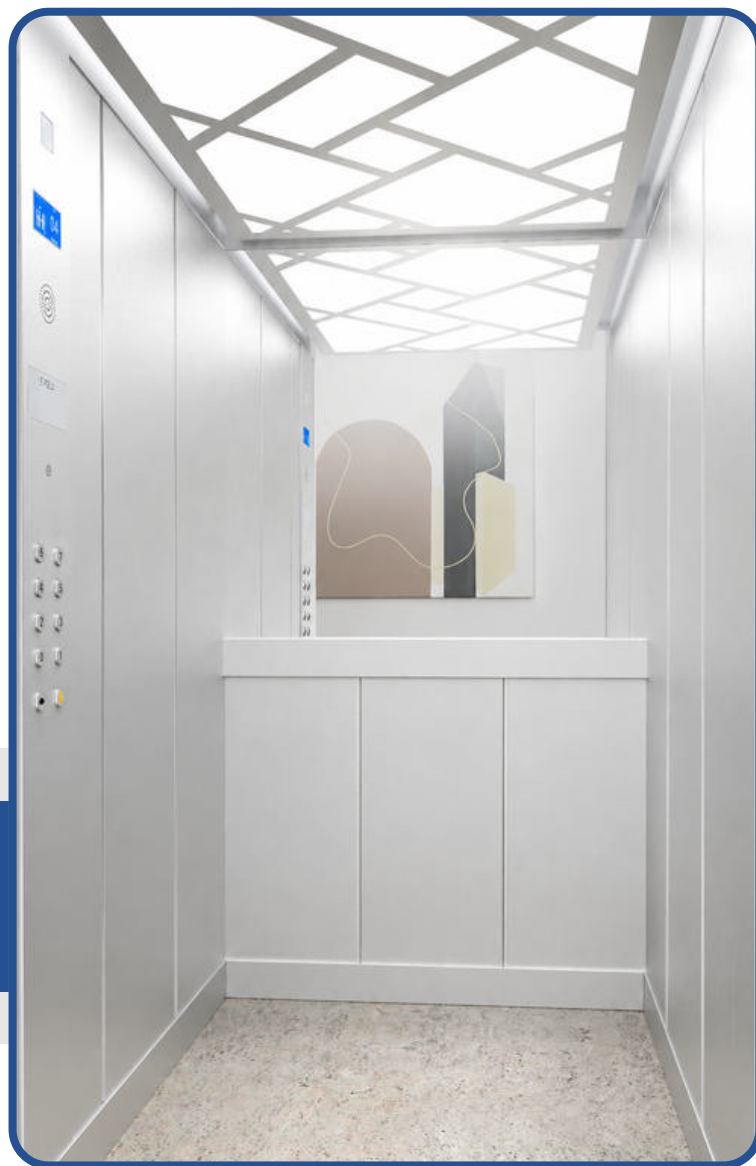


Cung cấp nguồn điện cho thang máy 3 pha từ bất kỳ nguồn điện 1 pha nào, với mức tiêu thụ tối đa chỉ 500 W.
Cho phép thang máy tiếp tục hoạt động khi xảy ra mất điện, đồng thời có thể chuyển đổi thang máy thành hệ thống sử dụng năng lượng mặt trời chỉ với 2 tấm pin.

TUYÊN BỐ MÔI TRƯỜNG SẢN PHẨM (EPD)

Tuân thủ các tiêu chuẩn ISO 14025:2006 và EN 15804:2012+A2:2019.

Your Partner in
Lifts Solutions.



101

Tấm panel

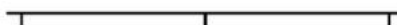
Mối nối

Sàn

Tấm inox caro chống trượt

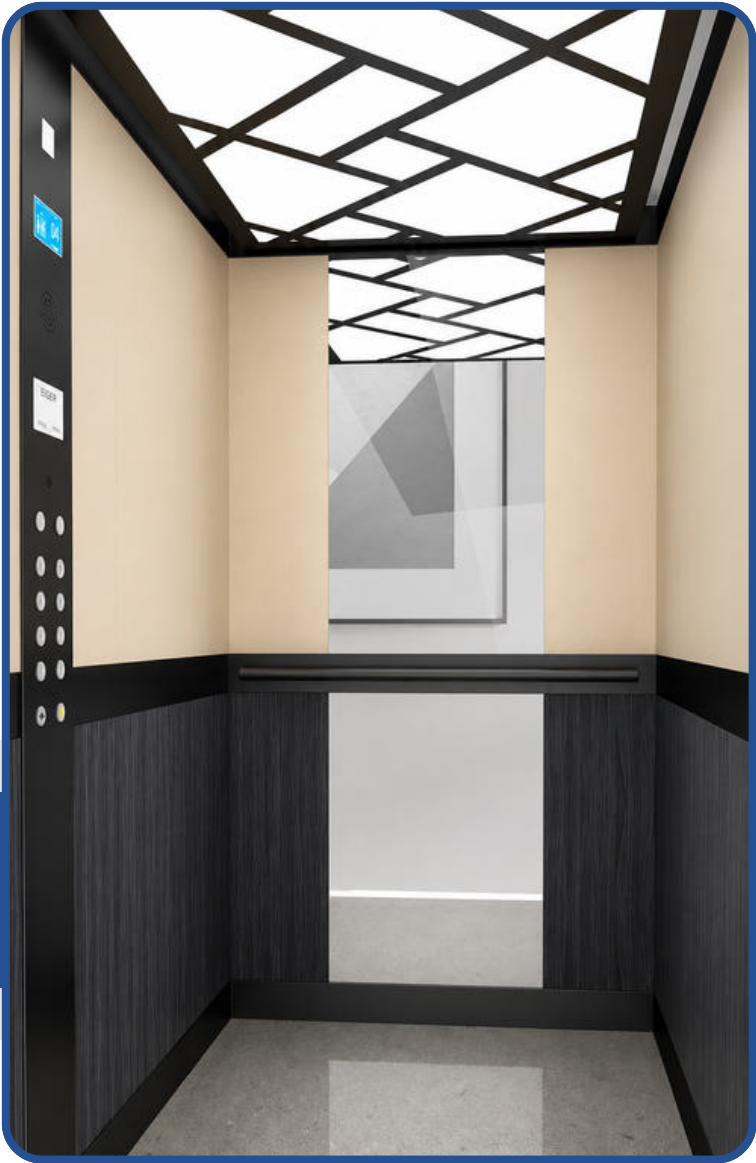


Vách panel liền tấm, không có đường nối



Đá granite tự nhiên Warwick





L03

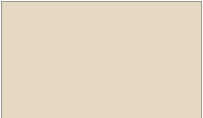
Tấm panel

Mối nối

F6307 Burnt Strand

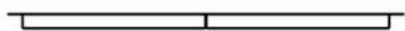


F2833 Stone Sand



Laminate

Vách panel liền tấm, không mối nối



M03 cũng có sẵn với tùy chọn bề mặt Melamine



L04

Tấm panel

Mối nối

Đèn chiếu sáng panel

F7327 Popular Grey



F8830 Elemental Concrete



Laminate

Vách panel liền tấm, không mối nối



Một cặp đèn LED dạng dải chiếu sáng theo chiều dọc



S01

Tấm panel

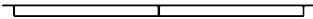
Mối nối

Sàn

Stainless Steel Skinplate



Vách panel liền tấm, không mối nối



Sàn cao su đen chống trượt

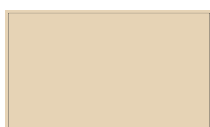




CH01

Tấm panel

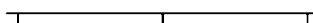
Light Ivory RAL 1015



Painted sheet metal

Mối nối

Vách panel liền tấm, không mối nối



Sàn

Đá granite tự nhiên màu hồng Pink Porrino





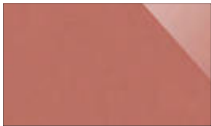
Đá
thạch anh

Tấm panel

Liên kết

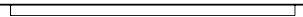
Sàn

Terracotta Red RAL 8815



Black painted
glass

Vách panel liền tấm, không mối nối



Đá granite tự nhiên
màu đen Intense Black





Vertex

Cabin hình chữ nhật với nhiều tùy chọn bố trí kính khác nhau.

Model M100, M200, M300:

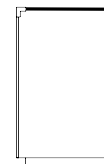
Liên kết giữa các khung kính bằng profile nhôm/kim loại.

Model M100d, M200d, M300d:

Liên kết giữa các tấm kính không khung



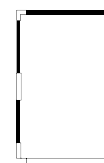
M100



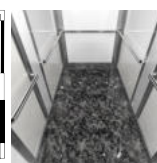
M300



M100d



M200



M200d



M300d



Đa dạng kiểu dáng cabin toàn cảnh với thiết kế một hoặc nhiều mặt kính



Horizon Arc

Mặt trước cabin dạng đa giác hoặc cong, có hoặc không có liên kết giữa các tấm kính.

Model V100, V300:

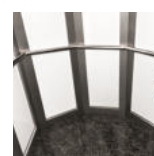
Liên kết giữa các khung kính bằng profile.

Model V100d, M300d:

Liên kết giữa các tấm kính không sử dụng profile.



V100



V100d



V300



V300d



Kiểm tra tương thích giữa model và tải trọng



Orbit

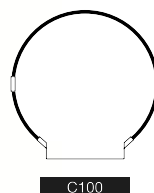
Cabin kính tròn hoàn toàn.

Model C100:

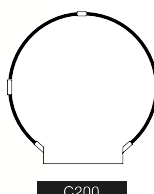
Liên kết giữa các khung kính bằng profile.

Model C200:

Liên kết giữa các tấm kính không sử dụng profile.



C100



C200





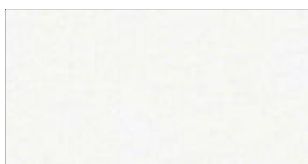
Danh mục kỹ thuật

2.4

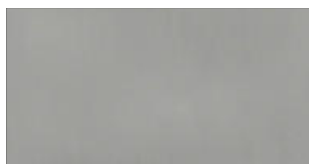
Vật liệu hoàn thiện cabin

Panels

Tấm ốp bề mặt



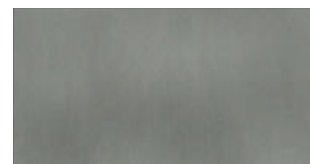
Trắng



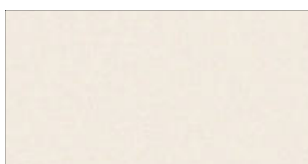
Thép không gỉ (Inox)



Màu xám

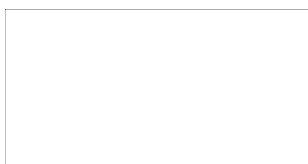


Bề mặt giả inox.



Màu kem

Tấm kim loại sơn



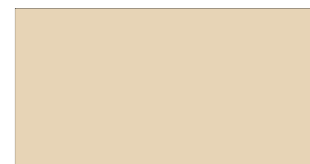
White RAL 9016



Beige RAL 1019



Black RAL 9005



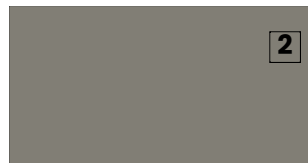
Light Ivory RAL 1015



Metallic grey RAL 9006



Pearlescent light grey RAL 9022



Concrete Grey RAL 7023



Pastel purple RAL 4009

2 Biểu giá loại 2

Các màu RAL khác được cung cấp theo yêu cầu

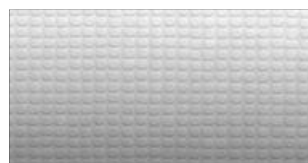
Thép không gỉ (Inox)



Satin



Checks



Canvas



Leather



Linen



Polished



Danh mục kỹ thuật

2.4

Vật liệu hoàn thiện cabin

Tấm ốp bề mặt

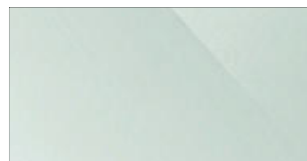
Kính sơn mặt sau



Metallic grey RAL 9006



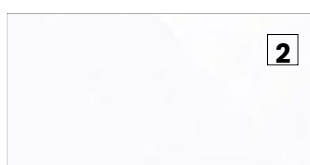
Light Brown RAL 1236



Green RAL 8615



Aluminum RAL 9007



Pure white RAL 9003



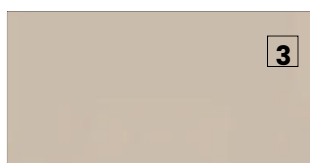
Black Starlight RAL 0337



White Pearl RAL 1013 (matt or gloss)



Bronze



Matt Light Brown RAL 1236 (Matt)



Terracotta Red RAL 8815



Pistachio Green RAL 1164

2 Loại biểu giá 2

3 Loại biểu giá 3

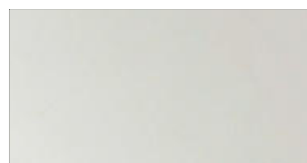
Kính sơn mặt sau – cung cấp theo yêu cầu



RAL 1586



RAL 8017



SILVER



RAL 5002

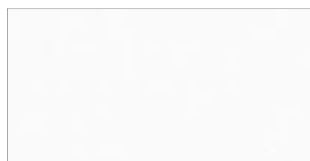


RAL 2001



RAL 9005

Tấm Laminates



F2274 White France



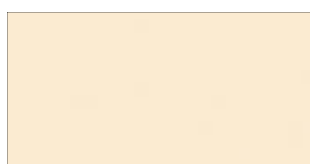
F1139 Cherry



F7884 China Blue



F7837 Graphite



F2273 Syringe



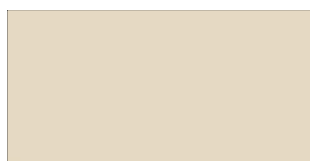
F1062 Oak



F2478 Turquoise



F8833 Elemental Graphite



F2833 Stony sand



F5873 SET Ventura Oak



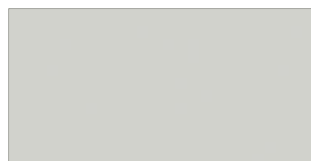
F1997 Ocean



F8832 Elemental Corten



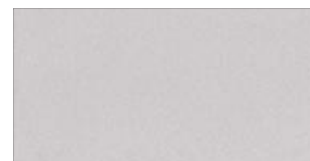
F8841 White Ash



F7927 Popular Grey



F8849 Natural Teak



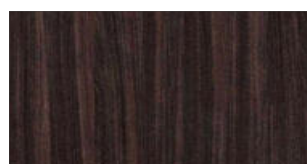
F0193 Xenon



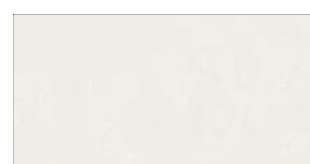
F0190 Finnish Beech



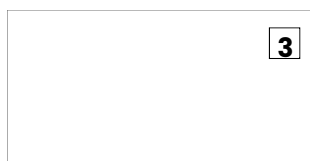
F8830 Elemental Concrete



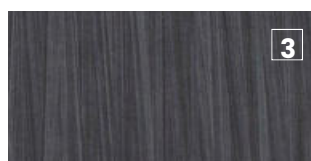
F8848 Blackened Legno



F7923 Surf



F3091 Glossy Polar White



F6307 Burnt Strand

3 Biểu giá loại 3

* Các loại Formica khác có sẵn tại

<https://www.formica.com/es-es>

Màu sắc hiển thị có thể khác với màu sắc thực tế tùy thuộc vào cài đặt màn hình hoặc điều kiện in ấn



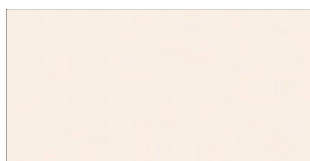
Danh mục kỹ thuật

2.4

Vật liệu hoàn thiện cabin

Tấm ốp bề mặt

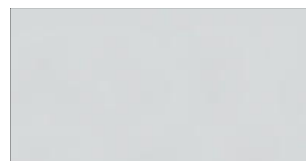
Tấm Melamine



Cream



Cervine Pine



Grey



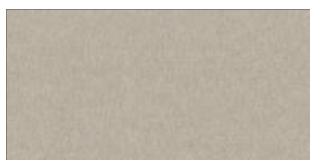
Beech



Chocolate



Cherry tree



Havana Linen Textile



Dark Oak



Blue



Không tuân thủ tiêu chuẩn EN 81-20

Sàn

Cao su chống trượt – 4,5 kg/m²



Beige



Oak



Steel blue



Sand



Grey



Concrete grey



Black

Đá nhân tạo – 49 kg/m²



Grey Expo



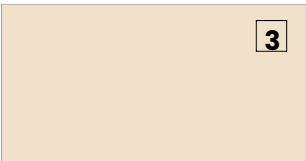
Black Tebas



White North



Ethereal Glow



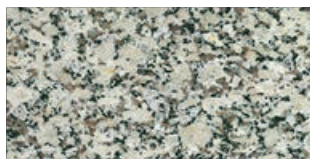
Rougui

2 Biểu giá loại 2

3 Biểu giá loại 3



Đá granite tự nhiên – 56 kg/m²



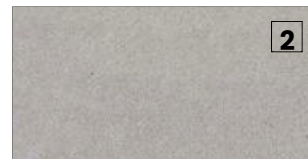
Pearl Grey



Pink Porriño natural granite



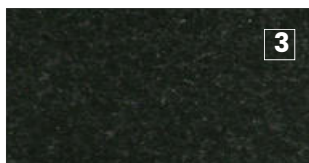
Crystal White



White Trevi



Grey Quintana



Intense Black



Black South Africa



Dark Blue Labrador



Guyana



Warwick Rubi

2 Biểu giá loại 2

3 Biểu giá loại 3

4 Biểu giá loại 4

Sàn kim loại



Checkered Aluminum 6 Kg/m²

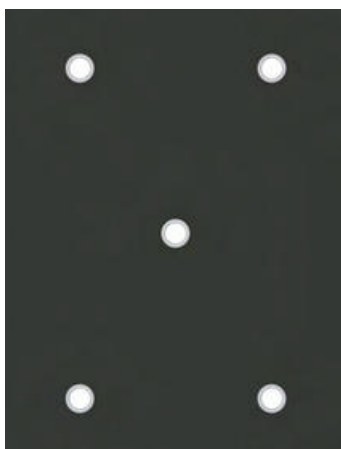


Stainless Steel 12 Kg/m²

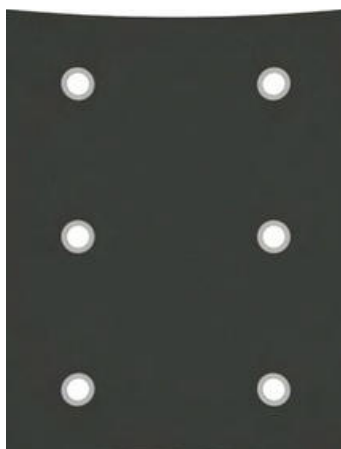


Steel durbar plate 36 Kg/m²

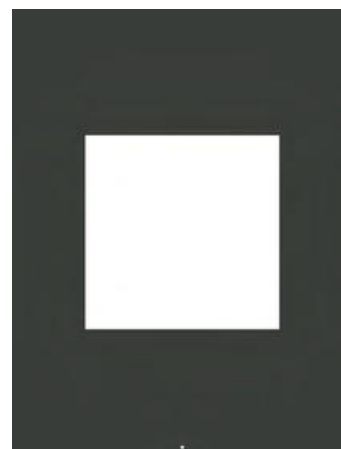
Trần



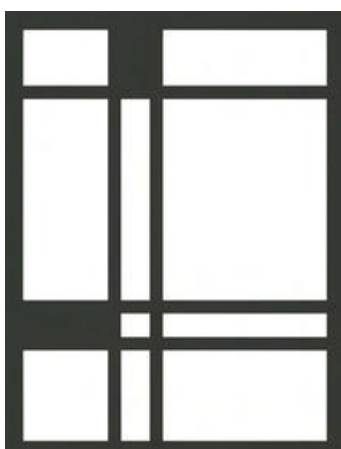
LED spots



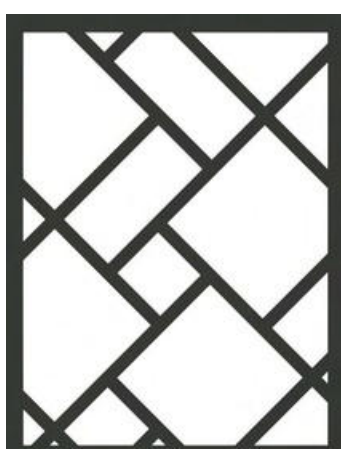
Curved LED spots



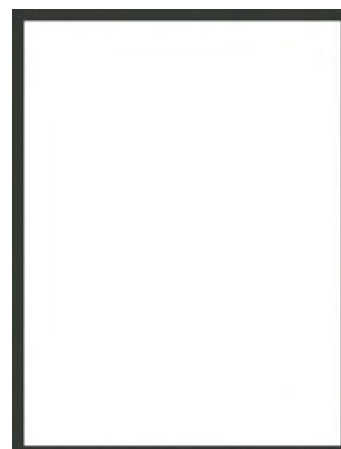
LED panel



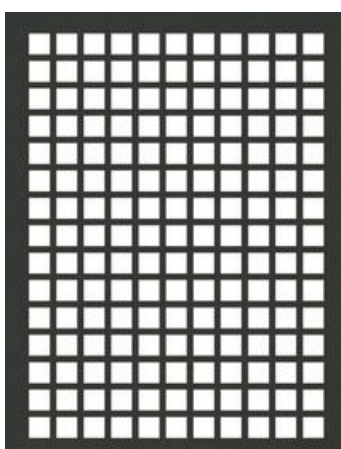
Mondrian



Art



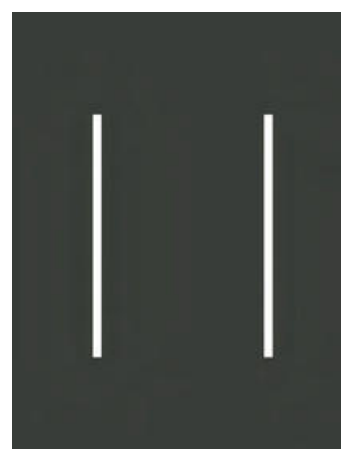
Frame



Mosaic



Frosted glass



LED bars



Tất cả các loại trần cabin đều có sẵn màu trắng, màu đen và inox

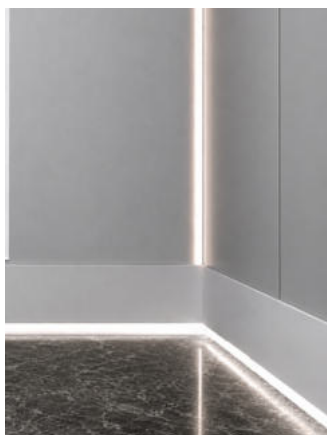


Danh mục kỹ thuật

2.4

Vật liệu hoàn thiện cabin

Chiếu sáng gián tiếp



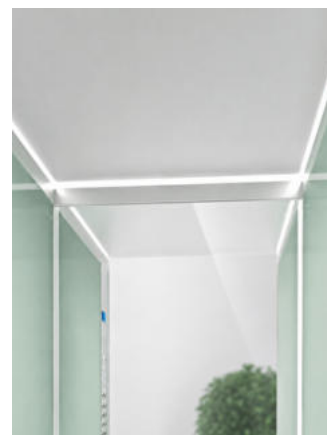
Skirting lighting



Lighting in panels

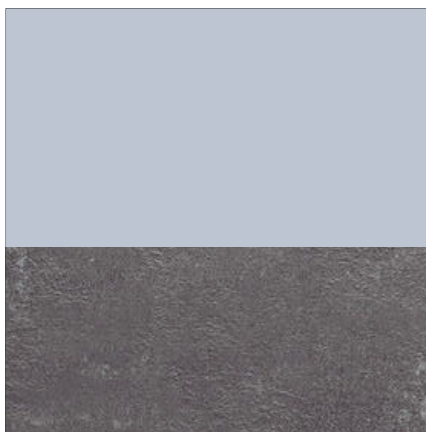


COP lighting

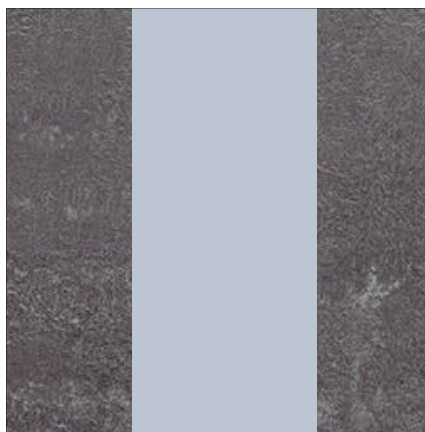


Ceiling lighting

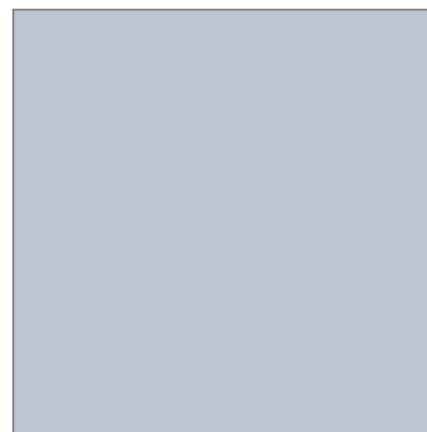
Gương



1/2 Height Mirror



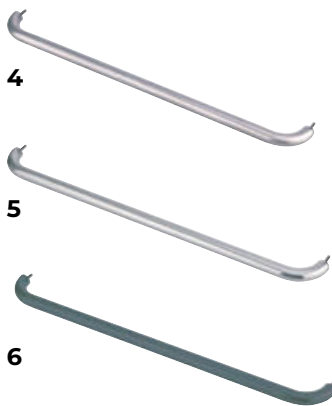
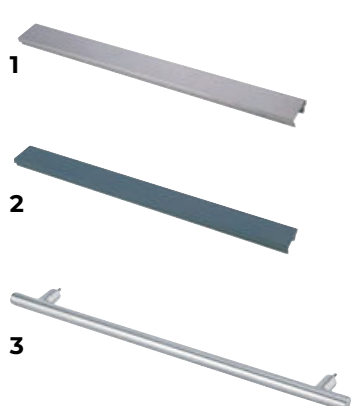
Slim Panel Mirror



Full Mirror

Tay vịn

STANDARD EN 81-20



1. Tay vịn inox hình chữ nhật.
2. Tay vịn bằng tấm ốp bề mặt hình chữ nhật.
3. Tay vịn dạng ống thẳng bằng inox đánh bóng.
4. Tay vịn dạng ống cong bằng inox xước.
5. Tay vịn dạng ống cong bằng inox đánh bóng.
6. Tay vịn dạng ống cong sơn màu đen.



Cửa tự động



Inox phủ sơn lót



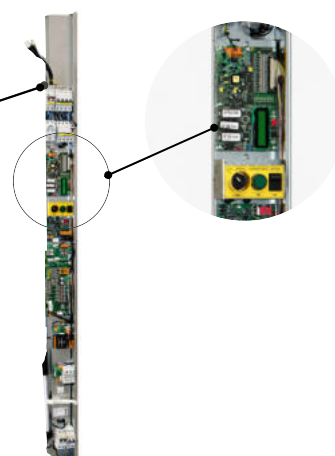
Ô kính quan sát lớn



Cửa xếp bằng kính và nhôm kiểu xe buýt



Vách kính toàn phần



Cửa bán tự động



Ô kính quan sát tiêu chuẩn



Ô kính quan sát lớn



Danh mục kỹ thuật

2.5

Cửa

Cửa hoàn thiện

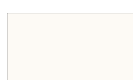
► Sơn epoxy

STANDARD



RAL 7032

OTHERS



RAL 9016



RAL 1015



RAL 9006



RAL 7004



RAL 1018



RAL 1019



RAL 6021



RAL 1034



RAL 3020



RAL 5012



RAL 8023



RAL 7010



RAL 7012



RAL 3004



RAL 6005



RAL 5011



RAL 9005

► Inox bề mặt nhẵn

STANDARD



AISI 441 2B/BA



AISI 304 2B



AISI 316 2B



AISI 441 2B



AISI 304 2B



AISI 304 2B



AISI 316 2B



AISI 316 4N

DECORATIVE



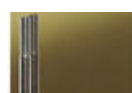
AISI 304 BA



AISI 304 BA



AISI 316 BA



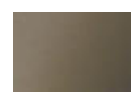
AISI 304 BA



AISI 304 BA



AISI 304 BA



AISI 304 BA

► Inox dập nổi



AISI 441 BA⁽¹⁾



AISI 304 BA



AISI 304 BA



AISI 316 BA⁽¹⁾



AISI 441 BA⁽¹⁾



AISI 304 BA



AISI 304 BA



AISI 304 BA



AISI 441 BA⁽¹⁾



AISI 304 BA



AISI 304 BA



AISI 316 BA⁽¹⁾

Bảng điều khiển cabin



Loại tay vịn (EN 81-70)



- 1 Bảng nút bấm dạng cột tiêu chuẩn
- 2 Bảng nút bấm dạng cột có đèn chiếu sáng
- 3 Bề mặt nhôm anod hóa, kích thước 920 × 220 mm



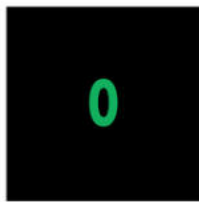
Nút nhấn



Đèn báo / Bộ chỉ thị



Hiển thị



TFT 2,8"



LCD10555



EM2LCD



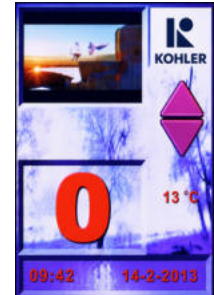
LCDA



TFT 5,6"



MK_800



LIFTMEDIA



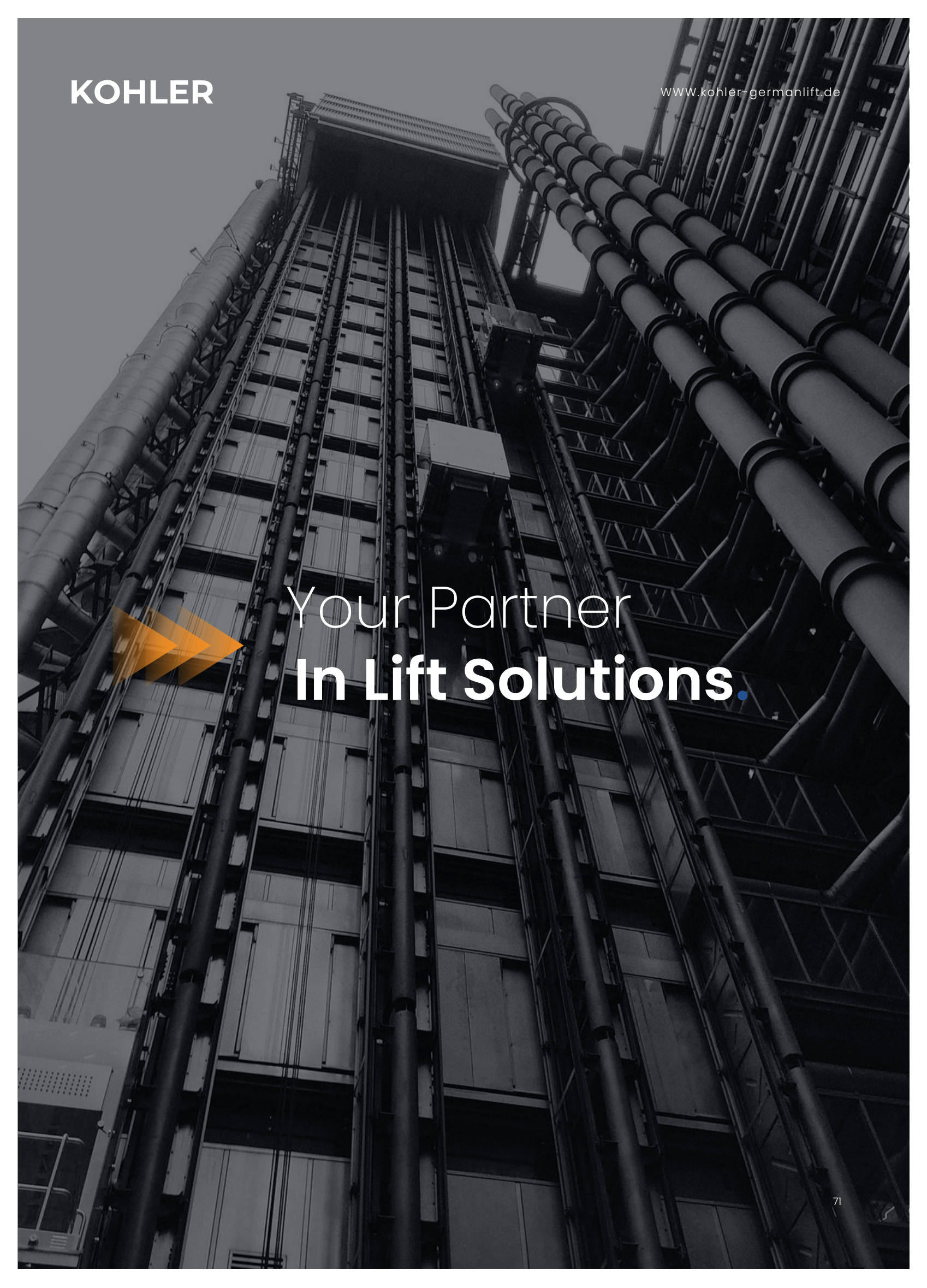
7"



10"

KOHLER

www.kohler-germanlift.de



Your Partner
In Lift Solutions.

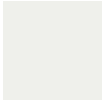


2.7 Kết cấu

Kết cấu thang máy và homelift mang đến tính tiêu chuẩn hóa và linh hoạt, loại bỏ các hạn chế về kiến trúc, đồng thời cung cấp giải pháp tiếp cận hoàn toàn thuận tiện và không bị cản trở

KẾT CẤU

► Màu sắc

	RAL 9016		RAL 9005
	RAL 8011		RAL 7042
	RAL 7016		RAL 7032
	RAL 6005		RAL 5022
	RAL 5002		RAL 2004
	RAL 1015		

Ưu điểm

Thời gian xây dựng và lắp đặt được rút ngắn hơn 60% so với phương pháp lắp đặt bằng hệ thống xây dựng truyền thống. Sản phẩm có quá trình thi công sạch sẽ, nhanh chóng và ít gây tiếng ồn.

Hoàn toàn thân thiện với môi trường, cả trong quá trình lắp đặt và quá trình sản xuất công nghiệp.

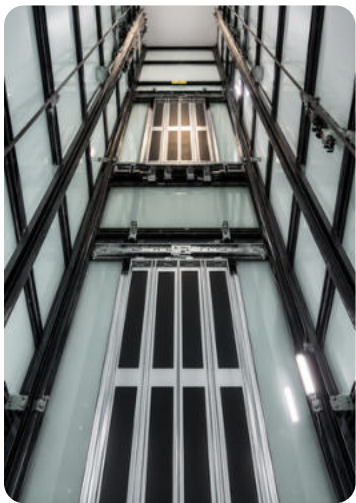
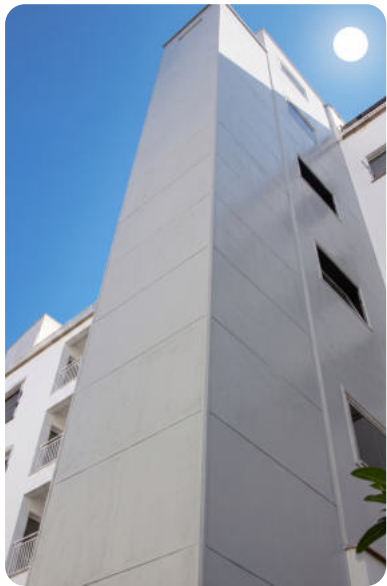
Dễ dàng lắp ráp, mang đến một sản phẩm thuận tiện và thân thiện với người sử dụng, đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn nghiêm ngặt nhất.



Đặc tính

Một giải pháp kỹ thuật linh hoạt dành cho mọi loại công trình, có khả năng thích ứng hiệu quả với nhiều loại hình xây dựng và nhu cầu sử dụng khác nhau.

Các dòng Deluxe và Premium được thiết kế để hài hòa với kiến trúc hiện hữu của công trình và không gian xung quanh.



KOHLER

www.kohler-germanlift.de



Your Partner
In Lift Solutions.

CHỈ THỊ THANG MÁY 2014/33/EU – PHỤ LỤC XI, MÔ-ĐUN H1

EN 81.20 – 81.50

Các yêu cầu an toàn đối với việc chế tạo và lắp đặt thang máy.

EN 81.21

Các yêu cầu an toàn đối với việc chế tạo và lắp đặt thang máy.

Thang máy được thiết kế để vận chuyển hành khách và hàng hóa.

Phần 21: Thang máy chở khách và chở hàng mới được lắp đặt trong các tòa nhà hiện hữu.

EN 81.28

Các yêu cầu an toàn đối với việc chế tạo và lắp đặt thang máy. Thang máy được thiết kế để vận chuyển hành khách và hàng hóa.

Phần 28: Hệ thống báo động từ xa trong thang máy chở khách và thang máy chở khách – hàng hóa.

EN 81.58

Các yêu cầu an toàn đối với việc chế tạo và lắp đặt thang máy. Kiểm tra và thử nghiệm.

Phần 58: Thử nghiệm khả năng chịu lửa của cửa tầng (1).

EN 81.70

Các yêu cầu an toàn đối với việc chế tạo và lắp đặt thang máy. Các ứng dụng cụ thể dành cho thang máy chở khách và thang máy chở khách – hàng hóa.

Phần 70: Các yêu cầu tối thiểu về khả năng tiếp cận thang máy an toàn đối với người khuyết tật, bao gồm cả người sử dụng xe lăn.

Tiêu chuẩn này quy định 3 cấp độ tiếp cận khác nhau: Loại 1, Loại 2 và Loại 3 (2).

CHỈ THỊ THANG MÁY 2014/33/EU – PHỤ LỤC XI, MÔ-ĐUN H1

EN 81.71

Các yêu cầu an toàn đối với việc chế tạo và lắp đặt thang máy. Các ứng dụng cụ thể dành cho thang máy chở khách và thang máy chở khách – hàng hóa.
Phần 71: Thang máy có khả năng chống phá hoại.
Loại I và Loại II.

EN 81.72

Các yêu cầu an toàn đối với việc chế tạo và lắp đặt thang máy. Các ứng dụng đặc biệt dành cho thang máy chở khách và thang máy chở khách – hàng hóa.
Phần 72: Thang máy chữa cháy.

EN 81.73

Các yêu cầu an toàn đối với việc chế tạo và lắp đặt thang máy. Các ứng dụng cụ thể dành cho thang máy chở khách và thang máy chở khách – hàng hóa.
Phần 73: Hoạt động của thang máy trong trường hợp xảy ra cháy.

EN.81.76

Các yêu cầu an toàn đối với việc chế tạo và lắp đặt thang máy. Các ứng dụng cụ thể dành cho thang máy chở khách và thang máy chở khách – hàng hóa.
Phần 78: Sơ tán người khuyết tật bằng thang máy.

VDI 4707

Hiệu suất năng lượng của thang máy.



TRỤ SỞ CHÍNH VÀ VĂN PHÒNG

Kohler German Lift GmbH

-  Am Flughafen 13 | 12529 Berlin Schönefeld | Germany
-  +49 3023253097
-  info@kohler-germanlift.de
-  www.kohler-germanlift.de

Đại diện tại Việt Nam: Công ty TNHH Thương máy Kohler Việt Nam.

-  No 47 Nguyen Xien | Thanh Xuan | Hanoi | Vietnam
-  +84 096 240 8686
-  contact@kohler-germanlift.com.vn
-  www.kohler-germanlift.com.vn

Văn phòng kinh doanh / Phòng trưng bày

-  **Văn phòng Hà Nội:** A05-L10, Khu biệt thự An Vương, Khu đô thị Dương Nội, phường Dương Nội, Hà Nội.
-  **Văn phòng Nghệ An:** Số 38 đường Đặng Thai Mai, phường Vinh Hưng, Nghệ An.
-  **Văn phòng Đà Nẵng:** Số 478 đường Bùi Trang Chước, phường Hòa Cường Bắc, Đà Nẵng.



KOHLER

GERMAN-LIFT

www.kohler-germanlift.de

Tất cả dữ liệu và thông tin trong Catalogue này đều thuộc bản quyền hoặc được bảo hộ nhãn hiệu, trừ khi có ghi chú khác. Các nội dung này không được sử dụng dưới bất kỳ hình thức nào ngoài phạm vi được quy định trong Điều khoản và Điều kiện hoặc trong nội dung của Catalogue, nếu không có sự cho phép bằng văn bản của **KOHLER German Lift GmbH**.

KOHLER German Lift GmbH không bảo đảm hoặc cam kết rằng các tài liệu được hiển thị trong Catalogue này sẽ không xâm phạm quyền của bên thứ ba không thuộc quyền sở hữu hoặc không có mối liên kết với **KOHLER German Lift GmbH**.

KOHLER German Lift GmbH

Add: Am Flughafen 13 | 12529 Berlin Schönefeld | Germany

Tel: +49 3023253097

Email: info@kohler-germanlift.de

Web: www.kohler-germanlift.de

Representative in Vietnam: Kohler Vietnam elevator Co., Ltd.

Add: No 47 Nguyen Xien | Haidinh | Hanoi | Vietnam

Tel: +84 (0) 962 40 8686

Email: contact@kohler-germanlift.com.vn

Web: www.kohler-germanlift.com.vn

